

Số: **617/QĐ-UBND**

Thừa Thiên Huế, ngày **22** tháng 3 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Bảo hiểm xã hội tỉnh đưa vào tiếp nhận và trả kết quả tại Bộ phận Một cửa các cấp trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Quyết định số 1291/QĐ-TTg ngày 07 tháng 10 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan trung ương được tổ chức theo ngành dọc đóng tại địa phương đưa ra tiếp nhận tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính cấp huyện, cấp xã;*

*Căn cứ Quyết định số 929/QĐ-BHXH ngày 26 tháng 7 năm 2018 của Tổng Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong Lĩnh vực Thu bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp; Cấp sổ bảo hiểm xã hội, thẻ bảo hiểm y tế thuộc thẩm quyền giải quyết của Bảo hiểm xã hội Việt Nam;*

*Căn cứ Quyết định số 929/QĐ-BHXH ngày 26 tháng 7 năm 2018 của Tổng Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam của Tổng Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam về việc công bố thủ tục hành chính thay thế, bị bãi bỏ thuộc Lĩnh vực*



*Giải quyết hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội, chi trả các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp và chi trả các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Bảo hiểm xã hội Việt Nam;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Bảo hiểm xã hội Thừa Thiên Huế tại Tờ trình số 178/BHXXH-VP ngày 08 tháng 3 năm 2021.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính (TTHC) trong Lĩnh vực Cấp sổ bảo hiểm xã hội, thẻ bảo hiểm y tế; Lĩnh vực Thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội thuộc thẩm quyền giải quyết của Bảo hiểm xã hội tỉnh đưa vào tiếp nhận và trả kết quả tại Bộ phận Một cửa các cấp trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế (*Phụ lục kèm theo Quyết định*).

**Điều 2.** Trách nhiệm thực hiện của các cơ quan, đơn vị:

1. Văn phòng UBND tỉnh:

a) Cập nhật các TTHC mới được phê duyệt vào Cơ sở dữ liệu TTHC trên Cổng Dịch vụ công quốc gia;

b) Công khai các TTHC này tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh.

2. Bảo hiểm xã hội tỉnh:

a) Cập nhật các TTHC mới được công bố vào Hệ thống thông tin thủ tục hành chính tỉnh Thừa Thiên Huế theo đúng quy định;

b) Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực, trình UBND tỉnh phê duyệt quy trình điện tử, quy trình nội bộ giải quyết các TTHC (nếu có) và hoàn thành việc cấu hình TTHC trên phần mềm Hệ thống xử lý một cửa tập trung của tỉnh;

c) Triển khai thực hiện giải quyết các TTHC thuộc thẩm quyền theo hướng dẫn tại Phụ lục kèm theo Quyết định này;

d) Chỉ đạo Bảo hiểm xã hội các huyện, thị xã, thành phố Huế bố trí viên chức thực hiện tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Hành chính công cấp huyện.

3. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Huế:

a) Niêm yết công khai các TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị tại Trung tâm Hành chính công và trên Trang thông tin điện tử của đơn vị;

b) Tạo điều kiện làm việc và bảo đảm đủ cơ sở vật chất cho viên chức thuộc Bảo hiểm xã hội được cử đến làm việc tại Trung tâm Hành chính công cấp huyện;

c) Triển khai thực hiện giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền theo hướng dẫn tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Bảo hiểm xã hội Thừa Thiên Huế; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Huế; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

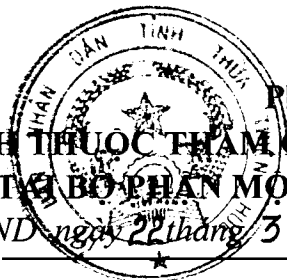
**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP và các CV;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KSTT.

**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Thanh Bình**



Phụ lục

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA BẢO HIỂM XÃ HỘI TỈNH ĐƯA VÀO TIẾP NHẬN VÀ TRẢ KẾT QUẢ TẠI BỘ PHẬN MỘT CỦA CÁC CẤP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

*(Kèm theo Quyết định số 617/QĐ-UBND ngày 22 tháng 3 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế)*

**PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời gian giải quyết (ngày làm việc)	Phí, lệ phí (nếu có)	Cách thức và địa điểm thực hiện	Căn cứ pháp lý
<b>I. LĨNH VỰC CẤP SỔ BẢO HIỂM XÃ HỘI, THẺ BẢO HIỂM Y TẾ</b>						
1	1.002759	Cấp lại, đổi, điều chỉnh thông tin trên Sổ bảo hiểm xã hội, Thẻ bảo hiểm y tế	<p>1. Cấp lại sổ BHXH do thay đổi họ, tên, chữ đệm; ngày, tháng, năm sinh; giới tính, dân tộc; quốc tịch; số BHXH mất, hỏng; cộng nối thời gian nhưng không phải đóng BHXH, điều chỉnh làm nghề hoặc công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc đặc biệt nặng nhọc độc hại, nguy hiểm hoặc gộp sổ BHXH: không quá 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. Trường hợp phải xác minh quá trình đóng BHXH ở tỉnh khác hoặc nhiều đơn vị nơi người lao động có thời gian làm việc thì không quá 45 ngày nhưng phải có văn bản thông báo cho người lao động biết.</p> <p>2. Điều chỉnh nội dung đã ghi trên</p>	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nộp trực tuyến qua Cổng DVC tỉnh Thừa Thiên Huế hoặc Cổng DVC quốc gia;</li> <li>- Qua dịch vụ bưu chính công ích;</li> <li>- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Trung tâm Hành chính công cấp huyện (Bộ phận tiếp</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật BHXH số 58/2014/QH13 ngày 20/11/2014;</li> <li>- Luật BHYT số 25/2008/QH12 ngày 28/11/2008; Luật BHYT số 46/2014/QH13 ngày 13/6/2014;</li> <li>- Luật Việc làm số 38/2013/QH13 ngày 16/11/2013;</li> <li>- Nghị định số 115/2015/NĐ-CP ngày 11/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật BHXH về BHXH bắt buộc;</li> <li>- Nghị định số 105/2014/NĐ-CP ngày 15/11/2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật BHYT;</li> <li>- Nghị định số 134/2015/NĐ-CP ngày 29/12/2015 quy định chi tiết một số điều của Luật BHXH về BHXH tự nguyện;</li> </ul>

		<p>số BHXH: không quá 05 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.</p> <p><b>3. Cấp lại, đổi thẻ BHYT:</b></p> <p>+ Trường hợp không thay đổi thông tin: Không quá 02 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định (Kể từ 01/01/2019: trả trong ngày khi nhận đủ hồ sơ theo quy định).</p> <p>+ Trường hợp thay đổi thông tin: Không quá 03 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.</p> <p>+ Người tham gia đang điều trị tại các cơ sở Khám chữa bệnh: trả trong ngày khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.</p>		<p>nhận và trả kết quả của Bảo hiểm Xã hội Thừa Thiên Huế).</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12/3/2015 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về BHTN;</li> <li>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch;</li> <li>- Thông tư số 28/2015/TT-BLĐTBXH ngày 31/7/2015 hướng dẫn thực hiện Điều 52 của Luật Việc làm và một số điều của Nghị định số 28/2015/NĐ-CP;</li> <li>- Thông tư số 01/2016/TT-BLĐTBXH ngày 18/2/2016 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật BHXH về BHXH tự nguyện;</li> <li>- Thông tư số 13/TT-NV ngày 04/9/1972 của Bộ Nội vụ hướng dẫn và quy định cụ thể về việc tính thời gian công tác của công nhân, viên chức Nhà nước;</li> <li>- Thông tư liên tịch số 37/2012/TTLT-BLĐTBXH-BYT-BTC-BGDĐT ngày 28/12/2012 xác định mức độ khuyết tật do Hội đồng xác định mức độ khuyết tật thực hiện;</li> <li>- Thông tư liên tịch số 18/2009/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 03/8/2009;</li> <li>- Quyết định số 250/QĐ-TTg ngày 29/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc giải quyết chế độ, chính sách</li> </ul>
--	--	--	--	---	--

						<p>đối với chủ nhiệm hợp tác xã có quy mô toàn xã trong thời kỳ bao cấp chưa được hưởng chế độ của Nhà nước;</p> <p>-Công văn số 4533/BHXH-CSXH ngày 14/11/2013 của BHXH Việt Nam về việc hướng dẫn thực hiện Quyết định số 250/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ;</p> <p>-Thông tư liên tịch số 41/2014/TTLT-BYT-BTC ngày 24/11/2014 của liên Bộ Y tế, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện BHYT;</p> <p>- Quyết định số 595/QĐ-BHXH ngày 14/4/2017 của BHXH Việt Nam ban hành Quy trình thu BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLD-BNN; quản lý sổ BHXH, thẻ BHYT.</p> <p>-Quyết định số 838/QĐ-BHXH ngày 29/5/2017 của BHXH Việt Nam về việc ban hành Quy trình giao dịch điện tử trong lĩnh vực BHXH, BHYT và BHTN.</p> <p>- Quyết định số 888/QĐ-BHXH ngày 16/7/2018 sửa đổi bổ sung một số điều Quyết định số 595/QĐ-BHXH ngày 14/4/2017 của BHXH Việt Nam.</p> <p>- Quyết định số 505/QĐ-BHXH ngày 27/02/2020 sửa đổi bổ sung một số điều Quyết định số 595/QĐ-BHXH ngày 14/4/2017 của BHXH Việt Nam.</p>
--	--	--	--	--	--	---

## II. LĨNH VỰC THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH BẢO HIỂM XÃ HỘI

1	2.000821	Giải quyết hưởng chế độ tử tuất	08 ngày <i>(kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định)</i>	Không		- Luật BHXH số 58/2014/QH13 ngày 20/11/2014; - Luật An toàn, vệ sinh lao động số 84/2015/QH13;
2	1.001613	Giải quyết hưởng bảo hiểm xã hội một lần	05 ngày <i>(kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định)</i>	Không	- Nộp trực tuyến qua Cổng DVC tỉnh Thừa Thiên Huế hoặc Cổng DVC quốc gia; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Trung tâm Hành chính công cấp huyện (Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Bảo hiểm Xã hội Thừa Thiên Huế).	- Luật BHYT số 25/2008/QH12 ngày 28/11/2008;
3	2.000605	Giải quyết hưởng lương hưu trợ cấp hàng tháng đối với cán bộ xã	12 ngày <i>(kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định)</i>	Không		- Luật BHYT số 46/2014/QH13 ngày 13/6/2014; - Luật Việc làm số 38/2013/QH13 ngày 16/11/2013;
4	2.000809	Giải quyết hưởng tiếp lương hưu, trợ cấp BHXH hàng tháng đối với người chấp hành xong hình phạt tù, người xuất cảnh trái phép trở về nước định cư hợp pháp, người được Tòa án hủy quyết định tuyên bố mất tích	05 ngày <i>(kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định)</i>	Không		- Nghị định số 33/2016/NĐ-CP; - Nghị định số 39/2016/NĐ-CP; - Nghị định số 166/2016/NĐ-CP; - Nghị định số 143/2018/NĐ-CP; - Nghị định số 115/2015/NĐ-CP ngày 11/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật BHXH về BHXH bắt buộc; - Nghị định số 105/2014/NĐ-CP ngày 15/11/2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật BHYT; - Nghị định số 14/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ quy định chế độ trợ cấp đối với nhà giáo đã nghỉ hưu chưa được
5	2.000762	Giải quyết hưởng trợ cấp hàng	30 ngày <i>(kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định)</i>	Không		

		tháng theo Quyết định số 91/2000/QĐ-TTg; Quyết định số 613/QĐ-TTg	<i>quy định)</i>			hưởng chế độ phụ cấp thâm niên trong lương hưu. - Nghị định số 134/2015/NĐ-CP ngày 29/12/2015 quy định chi tiết một số điều của Luật BHXH về BHXH tự nguyện; - Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12/3/2015 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về BHTN; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch; - Nghị định số 14/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ - Thông tư số 59/2015/TT-BLĐTBXH ngày 19/12/2015 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội; - Thông tư số 28/2015/TT-BLĐTBXH ngày 31/7/2015 hướng dẫn thực hiện Điều 52 của Luật Việc làm và một số điều của Nghị định số 28/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 01/2016/TT-BLĐTBXH ngày 18/2/2016 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật BHXH về BHXH tự nguyện;
6	1.001646	Giải quyết hưởng trợ cấp đối với nhà giáo đã nghỉ hưu chưa được hưởng chế độ phụ cấp thâm niên trong lương hưu theo Nghị định số 14/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ (Quyết định số 52/2013/QĐ-TTg ngày 30 tháng 8 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về quy định chế độ trợ cấp đối với nhà giáo đã nghỉ hưu chưa được hưởng chế độ phụ cấp thâm niên trong lương hưu hết	12 ngày <i>(kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định)</i>	Không		



		<p>hiệu lực kể từ ngày Nghị định Nghị định số 14/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ có hiệu lực thi hành)</p>			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 13/TT-NV ngày 04/9/1972 của Bộ Nội vụ hướng dẫn và quy định cụ thể về việc tính thời gian công tác của công nhân, viên chức Nhà nước;</li> <li>- Thông tư liên tịch số 37/2012/TTLT-BLĐTBXH-BYT-BTC-BGDĐT ngày 28/12/2012 xác định mức độ khuyết tật do Hội đồng xác định mức độ khuyết tật thực hiện;</li> <li>- Thông tư liên tịch số 18/2009/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 03/8/2009;</li> <li>- Thông tư số 01/2016/TT-BLĐTBXH ngày 18/02/2016 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội;</li> <li>- Thông tư số 01/2019/TT-BLĐTBXH ngày 02 tháng 01 năm 2019 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội;</li> <li>- Thông tư số 26/2017/TT-BLĐTBXH ngày 20/09/2017 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.</li> </ul>
--	--	---	--	--	---

## PHẦN II: NỘI DUNG CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

### A. LĨNH VỰC CẤP SỔ BẢO HIỂM XÃ HỘI, THẺ BẢO HIỂM Y TẾ

#### I. Cấp lại, đổi, điều chỉnh thông tin trên Sổ bảo hiểm xã hội, Thẻ bảo hiểm y tế

##### 1) Trình tự thực hiện:

##### \* **Bước 1.** Lập và nộp hồ sơ

- Người đang làm việc: Nộp hồ sơ cho đơn vị nơi đang làm việc hoặc nộp hồ sơ cho cơ quan BHXH.

- Người tham gia BHXH tự nguyện, tham gia BHYT theo hộ gia đình, người được ngân sách Nhà nước hỗ trợ một phần mức đóng BHYT: Nộp hồ sơ cho Đại lý thu hoặc cơ quan BHXH.

- Người đang bảo lưu thời gian đóng BHXH, người đang hưởng trợ cấp thất nghiệp, người đã được giải quyết hưởng lương hưu, trợ cấp BHXH: Nộp hồ sơ cho cơ quan BHXH.

- Người tham gia do NSNN đóng BHYT: Nộp hồ sơ cho UBND xã hoặc cơ quan BHXH, Cơ sở trợ giúp xã hội, Cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng thương binh và người có công; Cơ sở giáo dục nghề nghiệp thuộc ngành lao động, thương binh và xã hội.

- Người tham gia do tổ chức BHXH đóng BHYT: Nộp hồ sơ cho UBND xã hoặc cơ quan BHXH.

- Học sinh, sinh viên đóng BHYT theo nhà trường: Nộp hồ sơ cho nhà trường.

\* **Lưu ý:** Sau khi hoàn tất việc kê khai, người tham gia ký ghi rõ họ tên. Trường hợp kê khai thay đổi về nhân thân (họ, tên đệm, tên; ngày, tháng, năm sinh, giới tính) đã ghi trên sổ BHXH, thẻ BHYT thì phải có xác nhận của đơn vị nơi người lao động đang làm việc. Đối với người đang bảo lưu thời gian đóng BHXH thì không phải xác nhận.

##### \* **Bước 2.** Tiếp nhận hồ sơ, kê khai hồ sơ, nộp hồ sơ

##### 1. Đơn vị sử dụng lao động:

- Nhận hồ sơ.

- Căn cứ hồ sơ của người lao động lập bảng kê thông tin (Mẫu D01-TS) (nếu có).

- Xác nhận tờ khai tham gia, điều chỉnh thông tin BHXH, BHYT (Mẫu TK1-TS) đối với trường hợp người lao động điều chỉnh họ, tên, chữ đệm; ngày, tháng, năm sinh; giới tính đã ghi trên sổ BHXH, thẻ BHYT.

- Nộp hồ sơ cho cơ quan BHXH.

2. Nhà trường, UBND xã, Cơ sở trợ giúp xã hội, Cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng thương binh và người có công; Cơ sở giáo dục nghề nghiệp thuộc ngành lao động, thương binh và xã hội:

- Nhận hồ sơ;

- Kê khai hồ sơ;

- Nộp hồ sơ cho cơ quan BHXH.

\* **Bước 3.** Nhận kết quả giải quyết

**2) Cách thức thực hiện:**

\* **Bước 1:** Nộp hồ sơ:

- Nộp trực tuyến qua Cổng DVC tỉnh Thừa Thiên Huế hoặc Cổng DVC quốc gia.

- Qua dịch vụ bưu chính công ích;

- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Trung tâm Hành chính công cấp huyện (Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Bảo hiểm Xã hội Thừa Thiên Huế).

\* **Bước 2:** Nhận kết quả giải quyết: Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính Bảo hiểm xã hội tỉnh hoặc sử dụng dịch vụ bưu chính công ích.

**3) Thành phần hồ sơ:**

3.1. Cấp lại sổ BHXH do mất, hỏng: Tờ khai tham gia, điều chỉnh thông tin BHXH, BHYT (Mẫu TK1-TS)

3.2. Cấp lại sổ BHXH do thay đổi họ, tên, chữ đệm; ngày, tháng, năm sinh; giới tính, dân tộc; quốc tịch, điều chỉnh nội dung trên sổ BHXH

3.2.1 Người tham gia:

- Tờ khai tham gia, điều chỉnh thông tin BHXH, BHYT (Mẫu TK1-TS);

- Sổ BHXH (đối với trường hợp người lao động bảo lưu quá trình đóng BHXH trước ngày 01/01/2008);

- Hồ sơ kèm theo như sau:

\* Trường hợp thay đổi họ, tên, chữ đệm; ngày, tháng, năm sinh; giới tính, dân tộc; quốc tịch:

+ Giấy khai sinh hoặc trích lục khai sinh do cơ quan có thẩm quyền về hộ tịch cấp theo quy định và chứng minh thư/thẻ căn cước/hộ chiếu.

+ Trường hợp là Đảng viên: thực hiện theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

\* Trường hợp người tham gia thay đổi nơi làm việc: Quyết định (văn bản) chứng minh địa điểm làm việc.

### 3.2.2 Đơn vị:

Bảng kê thông tin (Mẫu D01-TS) đối với người lao động nộp hồ sơ qua đơn vị.

3.3. Ghi xác nhận thời gian đóng BHXH trên sổ BHXH cho người tham gia được cộng nối thời gian nhưng không phải đóng BHXH trước năm 1995

- Tờ khai tham gia, điều chỉnh thông tin BHXH, BHYT (mẫu TK1-TS);
- Hồ sơ kèm theo:

3.3.1. Đối với người lao động có thời gian công tác trước năm 1995 (không bao gồm người bị kỷ luật buộc thôi việc hoặc tự ý bỏ việc, bị phạt tù giam trước ngày 01/01/1995):

3.3.1.1. Lý lịch gốc và lý lịch bổ sung (nếu có) của người lao động, quyết định tiếp nhận, hợp đồng lao động, các giấy tờ có liên quan khác như: quyết định nâng bậc lương, quyết định điều động hoặc quyết định chuyển công tác, quyết định phục viên xuất ngũ, chuyển ngành, giấy thôi trả lương...;

3.3.1.2. Người nghỉ chờ việc từ tháng 11/1987 đến trước ngày 01/01/1995:

- Hồ sơ như Tiết a trên thêm Quyết định nghỉ chờ việc và Danh sách của đơn vị hoặc các giấy tờ xác định người lao động có tên trong danh sách của đơn vị đến ngày 31/12/1994.

- Trường hợp không có quyết định nghỉ chờ việc thì phải có xác nhận bằng văn bản của thủ trưởng đơn vị tại thời điểm lập hồ sơ đề nghị cấp sổ BHXH, trong đó đảm bảo người lao động có tên trong danh sách của đơn vị tại thời điểm có quyết định nghỉ chờ việc và chưa hưởng các khoản trợ cấp một lần.

- Trường hợp đơn vị đã giải thể thì do cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp xác nhận.

3.3.2. Đối với cán bộ, công chức, viên chức, công nhân, quân nhân và công an nhân dân thuộc biên chế các cơ quan Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội, doanh nghiệp Nhà nước, đơn vị lực lượng vũ trang đã xuất cảnh hợp pháp ra nước ngoài, đã về nước nhưng không đúng hạn hoặc về nước đúng hạn nhưng đơn vị cũ không bố trí, sắp xếp được việc làm và người lao động tự do được cử đi hợp tác lao động (không bao gồm những trường hợp vi phạm pháp luật của nước ngoài bị trục xuất về nước hoặc bị kỷ luật buộc phải về nước hoặc bị tù giam trước ngày 01/01/1995)

3.3.2.1. Người lao động có thời hạn ở nước ngoài theo Hiệp định của Chính phủ và người đi làm đội trưởng, phiên dịch, cán bộ vùng do nước ngoài trả lương:

- Lý lịch gốc, lý lịch bổ sung (nếu có), các giấy tờ gốc có liên quan đến thời gian làm việc, tiền lương của người lao động trước khi đi làm việc ở nước ngoài; quyết định tiếp nhận trở lại làm việc đối với trường hợp người lao động về nước và

tiếp tục làm việc trước ngày 01/01/1995. Trường hợp không có Quyết định tiếp nhận thì được thay thế bằng lý lịch do người lao động khai khi được tiếp nhận trở lại làm việc hoặc lý lịch của người lao động khai có xác nhận của đơn vị tiếp nhận.

- Bản chính “Thông báo chuyển trả” hoặc “Quyết định chuyển trả” của Cục Hợp tác quốc tế về lao động (nay là Cục Quản lý lao động ngoài nước) cấp. Trường hợp không còn bản chính “Thông báo chuyển trả” hoặc “Quyết định chuyển trả” thì phải có Giấy xác nhận về thời gian đi hợp tác lao động để giải quyết chế độ BHXH của Cục Quản lý lao động ngoài nước trên cơ sở đơn đề nghị của người lao động.

- Giấy xác nhận chưa nhận chế độ trợ cấp một lần, trợ cấp phục viên, xuất ngũ sau khi về nước của cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý người lao động trước khi đi công tác, làm việc có thời gian ở nước ngoài. Trường hợp cơ quan, đơn vị đã giải thể thì cơ quan, đơn vị quản lý cấp trên trực tiếp xác nhận.

3.3.2.2. Người đi làm việc ở nước ngoài theo hình thức hợp tác trực tiếp giữa các Bộ, ngành và UBND các tỉnh, thành phố với các tổ chức kinh tế của nước ngoài:

- Lý lịch gốc, lý lịch bổ sung (nếu có), các giấy tờ gốc có liên quan đến thời gian làm việc, tiền lương của người lao động trước khi đi làm việc ở nước ngoài; quyết định tiếp nhận trở lại làm việc đối với trường hợp người lao động về nước và tiếp tục làm việc trước ngày 01 tháng 01 năm 1995. Trường hợp không có Quyết định tiếp nhận thì được thay thế bằng Lý lịch do người lao động khai khi được tiếp nhận trở lại làm việc hoặc lý lịch của người lao động khai có xác nhận của đơn vị tiếp nhận.

- Giấy xác nhận chưa nhận chế độ trợ cấp một lần, trợ cấp phục viên, xuất ngũ sau khi về nước của cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý người lao động trước khi đi công tác, làm việc có thời gian ở nước ngoài. Trường hợp cơ quan, đơn vị đã giải thể thì cơ quan, đơn vị quản lý cấp trên trực tiếp xác nhận.

- Bản chính Quyết định cử đi công tác, làm việc có thời hạn ở nước ngoài hoặc bản sao Quyết định trong trường hợp người lao động được cử đi công tác, làm việc có thời hạn ở nước ngoài bằng một Quyết định chung cho nhiều người.

+ Trường hợp không còn bản chính Quyết định cử đi công tác, làm việc có thời hạn ở nước ngoài thì được thay thế bằng bản sao Quyết định có xác nhận của đơn vị cử đi.

+ Trường hợp không có Quyết định cử đi thì phải có xác nhận bằng văn bản của thủ trưởng cơ quan, đơn vị cử người lao động, trong đó ghi rõ thời gian người lao động được cử đi công tác, làm việc có thời hạn ở nước ngoài và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung xác nhận. Trường hợp cơ quan, đơn vị cử đi

không còn tồn tại thì cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp xác nhận và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung xác nhận.

#### 3.3.2.3. Người đi học tập, thực tập ở nước ngoài:

- Lý lịch gốc, lý lịch bổ sung (nếu có), các giấy tờ gốc có liên quan đến thời gian làm việc, tiền lương của người lao động trước khi đi làm việc ở nước ngoài; quyết định tiếp nhận trở lại làm việc đối với trường hợp người lao động về nước và tiếp tục làm việc trước ngày 01 tháng 01 năm 1995. Trường hợp không có Quyết định tiếp nhận thì được thay thế bằng Lý lịch do người lao động khai khi được tiếp nhận trở lại làm việc hoặc lý lịch của người lao động khai có xác nhận của đơn vị tiếp nhận.

- Giấy xác nhận chưa nhận chế độ trợ cấp một lần, trợ cấp phục viên, xuất ngũ sau khi về nước của cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý người lao động trước khi đi công tác, làm việc có thời gian ở nước ngoài. Trường hợp cơ quan, đơn vị đã giải thể thì cơ quan, đơn vị quản lý cấp trên trực tiếp xác nhận.

- Bản chính Quyết định cử đi học tập, thực tập có thời hạn ở nước ngoài hoặc bản sao Quyết định trong trường hợp người lao động được cử đi học tập, thực tập có thời hạn ở nước ngoài bằng một Quyết định chung cho nhiều người.

+ Trường hợp không còn bản chính Quyết định cử đi học tập, thực tập có thời hạn ở nước ngoài thì được thay thế bằng bản sao Quyết định có xác nhận của đơn vị cử đi.

+ Trường hợp không có Quyết định cử đi thì phải có xác nhận bằng văn bản của thủ trưởng cơ quan, đơn vị cử người lao động, trong đó ghi rõ thời gian người lao động được cử đi học tập, thực tập có thời hạn ở nước ngoài và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung xác nhận. Trường hợp cơ quan, đơn vị cử đi không còn tồn tại thì cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp xác nhận và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung xác nhận.

#### 3.3.2.4. Người đi làm chuyên gia theo Hiệp định của Chính phủ:

- Lý lịch gốc, lý lịch bổ sung (nếu có), các giấy tờ gốc có liên quan đến thời gian làm việc, tiền lương của người lao động trước khi đi làm việc ở nước ngoài; quyết định tiếp nhận trở lại làm việc đối với trường hợp người lao động về nước và tiếp tục làm việc trước ngày 01 tháng 01 năm 1995. Trường hợp không có Quyết định tiếp nhận thì được thay thế bằng Lý lịch do người lao động khai khi được tiếp nhận trở lại làm việc hoặc lý lịch của người lao động khai có xác nhận của đơn vị tiếp nhận.

- Giấy xác nhận chưa nhận chế độ trợ cấp một lần, trợ cấp phục viên, xuất ngũ sau khi về nước của cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý người lao động trước khi

đi công tác, làm việc có thời gian ở nước ngoài. Trường hợp cơ quan, đơn vị đã giải thể thì cơ quan, đơn vị quản lý cấp trên trực tiếp xác nhận.

- Bản chính Quyết định cử đi làm chuyên gia ở nước ngoài hoặc bản sao Quyết định trong trường hợp người lao động được cử đi làm chuyên gia bằng một Quyết định chung cho nhiều người.

+ Trường hợp không còn bản chính Quyết định cử đi làm chuyên gia ở nước ngoài thì được thay thế bằng bản sao Quyết định có xác nhận của đơn vị cử đi.

+ Trường hợp không có Quyết định cử đi thì phải có xác nhận bằng văn bản của thủ trưởng cơ quan, đơn vị cử người lao động, trong đó ghi rõ thời gian cử đi công tác, làm việc có thời hạn ở nước ngoài và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung xác nhận. Trường hợp cơ quan, đơn vị cử đi không còn tồn tại thì cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp xác nhận và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung xác nhận.

- Giấy xác nhận của cơ quan quản lý chuyên gia về việc đã hoàn thành nghĩa vụ đóng góp cho ngân sách nhà nước và đóng BHXH theo quy định của Nhà nước của chuyên gia trong thời gian làm việc ở nước ngoài.

3.3.3. Đối với cán bộ có thời gian làm việc ở xã, phường, thị trấn bao gồm cả chức danh khác theo quy định tại Khoản 4, Điều 8 Thông tư liên tịch số 03/2010/TTLT-BNV-BTC-BLĐTBXH:

3.3.3.1. Hồ sơ, lý lịch gốc của cá nhân;

3.3.3.2. Các giấy tờ liên quan chứng minh thời gian làm việc ở xã, phường, thị trấn (danh sách, Quyết định phân công, Quyết định hưởng sinh hoạt phí...).

3.3.4. Đối với người có thời gian làm Chủ nhiệm Hợp tác xã nông nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có quy mô toàn xã:

3.3.4.1. Hồ sơ lý lịch gốc của cá nhân, hồ sơ đảng viên khai trong thời gian làm Chủ nhiệm hợp tác xã, sổ sách hoặc giấy tờ liên quan như: danh sách trích ngang, danh sách chi trả sinh hoạt phí, danh sách hoặc Quyết định phê duyệt, công nhận kết quả bầu cử... thể hiện có thời gian làm Chủ nhiệm Hợp tác xã từ ngày 01/7/1997 trở về trước. Trường hợp không có giấy tờ nêu trên nhưng có cơ sở xác định người lao động có thời gian làm Chủ nhiệm Hợp tác xã thì UBND cấp xã phối hợp với Đảng ủy, HĐND xã nơi người lao động kê khai có thời gian làm Chủ nhiệm hợp tác xã xác minh, nếu đủ căn cứ xác định người lao động có thời gian làm Chủ nhiệm hợp tác xã thì có văn bản (biên bản) xác nhận về thời gian làm Chủ nhiệm Hợp tác xã, thời gian công tác giữ chức danh, chức vụ theo quy định tại Điều 1, Quyết định số 250/QĐ-TTg và cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung xác nhận.

3.3.4.2. Danh sách phê duyệt của UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (gọi tắt UBND tỉnh) đối với người lao động có thời gian làm Chủ nhiệm hợp tác xã có quy mô toàn xã từ ngày 01/7/1997 trở về trước (Mẫu do UBND tỉnh ban hành).

3.3.4.3. Danh sách phê duyệt hồ sơ tính thời gian làm Chủ nhiệm Hợp tác xã của UBND tỉnh.

3.3.4.4. Giấy xác nhận về thời gian làm Chủ nhiệm Hợp tác xã (Mẫu số 02-QĐ250 kèm theo Quyết định số 250/QĐ-TTg ngày 29/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ) đối với người không cư trú tại tỉnh, thành phố có thời gian làm chủ nhiệm Hợp tác xã.

3.3.5. Đối với trường hợp ghi xác nhận thời gian đóng BHXH theo quy định tại Khoản 2, Điều 23, Nghị định số 115/2015/NĐ-CP ngày 11/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật BHXH về BHXH bắt buộc:

3.3.5.1. Quyết định: phục viên hoặc xuất ngũ hoặc thôi việc (Trường hợp quân nhân bị mất quyết định phục viên, xuất ngũ thì cung cấp giấy xác nhận của Thủ trưởng cấp Trung đoàn và tương đương trở lên nơi trực tiếp quản lý đối tượng trước khi phục viên, xuất ngũ hoặc trực tiếp quản lý đối tượng sau khu phục viên, xuất ngũ tại địa phương);

3.3.5.2. Giấy xác nhận chưa hưởng chế độ trợ cấp theo Quyết định số 47/2002/QĐ-TTg ngày 11/4/2002; Điểm a, Khoản 1, Điều 1 Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg ngày 08/11/2005; Quyết định số 92/2005/QĐ-TTg ngày 29/4/2005; Quyết định số 142/2008/QĐ-TTg ngày 27/10/2008; Quyết định số 38/2010/QĐ-TTg ngày 06/5/2010; Quyết định số 53/2010/QĐ-TTg ngày 20/8/2010 và Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09/11/2011 của Thủ tướng Chính phủ;

3.3.5.3. Quyết định về việc thu hồi Quyết định hưởng chế độ và số tiền trợ cấp một lần theo Quyết định số 142/2008/QĐ-TTg ngày 27/10/2008 hoặc Quyết định số 38/2010/QĐ-TTg ngày 06/5/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 142/2008/QĐ-TTg ngày 27/10/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện chế độ đối với quân nhân tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước có dưới 20 năm công tác trong quân đội đã phục viên, xuất ngũ về địa phương hoặc Quyết định thu hồi các Quyết định hưởng trợ cấp hàng tháng hoặc trợ cấp một lần theo quy định tại Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09/11/2011 của Thủ tướng Chính phủ.

3.3.5.4. Giấy xác nhận chưa giải quyết trợ cấp thôi việc hoặc trợ cấp một lần, trợ cấp xuất ngũ, phục viên, BHXH một lần đối với trường hợp quân nhân, công an nhân dân phục viên, xuất ngũ, thôi việc từ ngày 15/12/1993 đến ngày 31/12/1994.



3.4. Điều chỉnh làm nghề hoặc công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc đặc biệt nặng nhọc, độc hại nguy hiểm

- Tờ khai tham gia, điều chỉnh thông tin BHXH, BHYT (mẫu TK1-TS);
- Hồ sơ kèm theo gồm một trong các loại giấy tờ sau: Quyết định phân công vị trí công việc, hưởng lương; Hợp đồng lao động, Hợp đồng làm việc và các giấy tờ khác có liên quan tới việc điều chỉnh.

3.5. Cấp lại, đổi thẻ BHYT:

3.5.1. Người tham gia:

3.5.1.1. Cấp lại thẻ BHYT do mất, hỏng; đổi thẻ BHYT do thay đổi nơi đăng ký khám chữa bệnh ban đầu

Tờ khai tham gia, điều chỉnh thông tin BHXH, BHYT (Mẫu TK1-TS)

Lưu ý: Người tham gia BHYT được thay đổi cơ sở đăng ký khám chữa bệnh ban đầu vào tháng đầu quý.

3.5.1.2. Đổi thẻ BHYT do được hưởng quyền lợi BHYT cao hơn

- Tờ khai tham gia, điều chỉnh thông tin BHXH, BHYT (Mẫu TK1-TS)
- Giấy tờ chứng minh (nếu có) như sau:

3.5.1.2.1. Người có công với cách mạng quy định tại Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng

a) Người hoạt động cách mạng trước ngày 01/01/1945; người hoạt động cách mạng từ ngày 01/01/1945 đến ngày khởi nghĩa tháng 8/1945; Bà mẹ Việt Nam anh hùng; thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, thương binh loại B; bệnh binh suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên. Hồ sơ gồm một trong các loại giấy tờ sau:

- Thẻ thương binh, thẻ bệnh binh;
- Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh;
- Quyết định công nhận là người hoạt động cách mạng trước ngày 01/01/1945, người hoạt động cách mạng từ ngày 01/01/1945 đến ngày khởi nghĩa tháng 8/1945 của Ban Thường vụ tỉnh ủy, Thành ủy trực thuộc Trung ương;
- Quyết định hưởng trợ cấp của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.
- Giấy xác nhận của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội nơi đang hưởng trợ cấp hằng tháng hoặc đã giải quyết trợ cấp một lần (theo hướng dẫn về cơ sở xác định là người có công với cách mạng tại Công văn số 467/NCC ngày 17/6/2010 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội).

b) Người có công với cách mạng theo quy định tại Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng, trừ các đối tượng nêu tại Tiết a, Điểm 5.1.2.1 này. Hồ sơ gồm một trong các loại giấy tờ sau:

- Huân chương Kháng chiến;
- Huy chương Kháng chiến;
- Huân chương Chiến thắng;
- Huy chương Chiến thắng;
- Thẻ thương binh, thẻ bệnh binh;
- Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh;
- Giấy chứng nhận về khen thưởng tổng kết thành tích kháng chiến và thời gian hoạt động kháng chiến của cơ quan thi đua khen thưởng cấp huyện;
- Quyết định hưởng trợ cấp của Sở Lao động - Thương binh & Xã hội;
- Giấy xác nhận của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội nơi đang hưởng trợ cấp hàng tháng hoặc đã giải quyết trợ cấp một lần (theo hướng dẫn về cơ sở xác định là người có công với cách mạng tại Công văn số 467/NCC ngày 17/6/2010 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội);
- Quyết định hưởng trợ cấp, phụ cấp đối với người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, ghi rõ tỷ lệ suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên theo quy định tại Thông tư số 05/2013/TT-BLĐTBXH ngày 15/5/2013 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

3.5.1.2.2. Cựu chiến binh theo quy định tại Nghị định số 150/2006/NĐ-CP, Nghị định số 157/2016/NĐ-CP

a) Cựu chiến binh giai đoạn trước 30/4/1975, hồ sơ gồm một trong các loại giấy tờ sau:

- Quyết định phục viên hoặc xuất ngũ hoặc chuyển ngành;
- Quyết định được hưởng trợ cấp theo Quyết định số 142/2008/QĐ-TTg;
- Quyết định được hưởng trợ cấp theo Quyết định số 38/2010/QĐ-TTg.

b) Cựu chiến binh giai đoạn từ 30/4/1975 đến trước thời kỳ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, hồ sơ gồm một trong các loại giấy tờ sau:

- Quyết định phục viên hoặc xuất ngũ hoặc chuyển ngành ghi rõ thời gian, địa điểm nơi trực tiếp chiến đấu, trực tiếp phục vụ chiến đấu theo quy định tại Quyết định 62/2011-QĐ-TTG ngày 09/11/2011 của Thủ tướng Chính phủ. Trường hợp Quyết định phục viên, xuất ngũ, chuyển ngành không ghi rõ thời gian, địa điểm nơi trực tiếp chiến đấu, trực tiếp phục vụ chiến đấu thì bổ sung văn bản xác nhận về địa bàn phục vụ trong quân đội của đơn vị cấp trung đoàn hoặc tương đương trở lên nơi trực tiếp quản lý đối tượng trước khi phục viên, xuất ngũ theo mẫu số 04B-HBKV – Bản khai cá nhân về thời gian, địa bàn phục vụ trong quân đội có hưởng phục cấp khu vực (ban hành kèm theo Thông tư số 181/2016/TT-BQP đối với người có thời gian phục vụ trong quân đội trước ngày 01/01/2007).

- Quyết định được hưởng trợ cấp theo Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg;

c) Cựu chiến binh là sỹ quan, quân nhân chuyên nghiệp tại ngũ được nghỉ hưu:

- Giấy tờ chứng minh theo Tiết a, b, điểm 5.1.2.2 trên;

- Riêng các đối tượng sỹ quan, quân nhân chuyên nghiệp nghỉ hưu, cơ quan BHXH căn cứ hồ sơ, dữ liệu đang quản lý để đổi thẻ theo quyền lợi của đối tượng cựu chiến binh.

d) Sỹ quan, quân nhân chuyên nghiệp đã hoàn thành nhiệm vụ tại ngũ trong thời kỳ xây dựng và bảo vệ tổ quốc đã nghỉ hưu, phục viên, xuất ngũ, chuyển ngành: Quyết định phục viên hoặc xuất ngũ hoặc chuyển ngành.

3.5.1.2.3. Cha đẻ, mẹ đẻ, vợ hoặc chồng, con của liệt sỹ; người có công nuôi dưỡng liệt sỹ. Hồ sơ kèm theo gồm một trong các giấy tờ sau:

- Giấy chứng nhận gia đình liệt sỹ của Sở Lao động - Thương binh & Xã hội theo quy định tại Thông tư số 05/2013/TT-BLĐTBXH ngày 15/5/2013 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

+ Giấy xác nhận của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội nơi tiếp nhận, quản lý hồ sơ và làm thủ tục mua BHYT cho thân nhân của liệt sỹ và người có công nuôi dưỡng liệt sỹ theo quy định tại Thông tư số 05/2013/TT-BLĐTBXH.

3.5.1.2.4. Đổi thẻ BHYT theo mức hưởng của nhóm đối tượng là người dân tộc thiểu số đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn; người đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn; người đang sinh sống tại xã đảo, huyện đảo. Cơ quan BHXH căn cứ sổ hộ khẩu để điều chỉnh quyền lợi in trên thẻ BHYT.

3.5.1.2.5. Thân nhân người có công với cách mạng (trừ trường hợp là cha đẻ, mẹ đẻ, vợ hoặc chồng, con của liệt sỹ; người có công nuôi dưỡng liệt sỹ) bao gồm:

- Cha đẻ, mẹ đẻ, vợ hoặc chồng, con từ trên 6 tuổi đến dưới 18 tuổi hoặc từ đủ 18 tuổi trở lên nếu còn tiếp tục đi học hoặc bị khuyết tật nặng, khuyết tật đặc biệt nặng của các đối tượng: Người hoạt động cách mạng trước ngày 01/01/1945; người hoạt động cách mạng từ ngày 01/01/1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945; Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng Lao động trong thời kỳ kháng chiến; thương binh, bệnh binh suy giảm khả năng lao động từ 61% trở lên; người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học suy giảm khả năng lao động từ 61% trở lên;

- Con đẻ từ trên 6 tuổi của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học bị dị dạng, dị tật do hậu quả của chất độc hóa học không tự lực được trong sinh hoạt hoặc suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt.

Hồ sơ kèm theo:

Giấy xác nhận của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội nơi tiếp nhận, quản lý hồ sơ và làm thủ tục mua BHYT cho thân nhân của người có công với cách mạng theo quy định tại Thông tư số 05/2013/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

3.5.1.2.6. Người thuộc đối tượng bảo trợ xã hội theo Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ. Hồ sơ kèm theo gồm một trong các loại giấy tờ sau:

- Giấy xác nhận khuyết tật, ghi rõ mức độ khuyết tật thuộc các đối tượng người khuyết tật nặng và người khuyết tật đặc biệt nặng theo Thông tư liên tịch số 37/2012/TTLT-BLĐTBXH-BYT-BTC-BGDĐT;

- Quyết định trợ cấp xã hội hằng tháng của Chủ tịch UBND quận, huyện, thị xã (sau đây gọi là UBND cấp huyện) đối với người thuộc diện hưởng trợ cấp bảo trợ xã hội hằng tháng.

3.5.1.2.7. Người thuộc hộ gia đình nghèo và hộ gia đình cận nghèo. Hồ sơ kèm theo gồm một trong các loại giấy tờ sau:

- Giấy chứng nhận học sinh, sinh viên thuộc hộ nghèo theo Thông tư liên tịch số 18/2009/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH;

- Xác nhận của chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn đối với người thuộc hộ gia đình nghèo, hộ gia đình cận nghèo theo kết quả rà soát thường xuyên ( quy định tại Điều 5 Thông tư số 17/2016/TT-BLĐTBXH) và Thông tư số 14/2018/TT-BLĐTBXH.

3.5.1.2.8. Đổi thẻ BHYT do điều chỉnh họ, tên, chữ đệm; ngày tháng, năm sinh; giới tính. Hồ sơ kèm theo gồm một trong các giấy tờ sau:

a) Đối với đối tượng chỉ tham gia BHYT

- \* Trường hợp do người tham gia kê khai sai so với hồ sơ gốc; người tham gia do cơ quan BHXH quản lý đề nghị điều chỉnh để đi khám chữa bệnh:

Chứng minh thư hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu hoặc giấy tờ tùy thân có ảnh khác do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp như: Giấy xác nhận của Công an cấp xã hoặc giấy xác nhận của cơ sở giáo dục nơi quản lý học sinh, sinh viên...;

- \* Trường hợp đơn vị kê khai sai so với hồ sơ của người tham gia:

Cơ quan BHXH rà soát, thông báo và phối hợp với đơn vị điều chỉnh thông tin in trên thẻ BHYT.

b) Đối với đối tượng cùng tham gia BHXH, BHYT

Hồ sơ kèm theo:

+ Giấy khai sinh hoặc trích lục khai sinh do cơ quan có thẩm quyền về hộ tịch cấp theo quy định và chứng minh thư/thẻ căn cước/hộ chiếu.

3.5.1.2.9. Bổ sung mã đối tượng sinh sống đối với người dân tộc thiểu số và người thuộc hộ gia đình nghèo tham gia BHYT đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; người tham gia BHYT đang sinh sống tại xã đảo, huyện đảo.

Hồ sơ làm căn cứ thay đổi thông tin in trên thẻ BHYT gồm một trong các loại giấy tờ sau:

a) Đối với người lao động: cơ quan BHXH có trách nhiệm phối hợp với các đơn vị có liên quan rà soát, xác định nơi đối tượng đang làm việc ở địa bàn thuộc vùng nào, cấp mã nơi sinh sống theo vùng đó.

b) Đối với các đối tượng khác: Sổ hộ khẩu

3.5.2. Đơn vị:

Bảng kê thông tin (Mẫu D01-TS).

- Lưu ý: Thành phần hồ sơ nêu trên nếu không quy định là bản chính thì có thể nộp bản chính, bản sao kèm bản chính để đối chiếu, bản sao được chứng thực hoặc bản sao được cấp từ sổ gốc.

- Thành phần hồ sơ đối với trường hợp đề nghị cấp lại, đổi, điều chỉnh thông tin trên thẻ BHYT (trừ trường hợp điều chỉnh nhân thân, bổ sung mã đối tượng sinh sống) nếu người tham gia không có giấy tờ nêu trên mà có các giấy tờ liên quan để chứng minh làm căn cứ điều chỉnh như: giấy tờ chứng minh là người có công với cách mạng; cựu chiến binh theo quy định tại Pháp lệnh Cựu chiến binh; người tham gia kháng chiến... thì đơn vị nộp các giấy tờ này cho cơ quan BHXH để xem xét giải quyết (không ghi vào Bảng kê hồ sơ).

#### **4) Thời hạn giải quyết:**

4.1. Cấp lại sổ BHXH do thay đổi họ, tên, chữ đệm; ngày, tháng, năm sinh; giới tính, dân tộc; quốc tịch; sổ BHXH mất, hỏng; cộng nối thời gian nhưng không phải đóng BHXH, điều chỉnh làm nghề hoặc công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc đặc biệt nặng nhọc độc hại, nguy hiểm hoặc gộp sổ BHXH: không quá 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. Trường hợp phải xác minh quá trình đóng BHXH ở tỉnh khác hoặc nhiều đơn vị nơi người lao động có thời gian làm việc thì không quá 45 ngày nhưng phải có văn bản thông báo cho người lao động biết.

4.2. Điều chỉnh nội dung đã ghi trên sổ BHXH: không quá 5 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

4.3. Cấp lại, đổi thẻ BHYT:

+ Trường hợp không thay đổi thông tin: Không quá 02 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định (Kể từ 01/01/2019: trả trong ngày khi nhận đủ hồ sơ theo quy định).

+ Trường hợp thay đổi thông tin: Không quá 03 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

+ Người tham gia đang điều trị tại các cơ sở Khám chữa bệnh: trả trong ngày khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**5) Số lượng hồ sơ:** 01 bộ hồ sơ

**6) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Tờ khai tham gia, điều chỉnh thông tin BHXH, BHYT (mẫu TK1-TS);

- Bảng kê thông tin (Mẫu D01-TS);

**7. Đối tượng thực hiện:** Cá nhân; Đơn vị sử dụng lao động; Nhà trường, UBND xã, Cơ sở trợ giúp xã hội, Cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng thương binh và người có công; Cơ sở giáo dục nghề nghiệp thuộc ngành lao động, thương binh và xã hội.

**8) Phí, Lệ phí:** Không

**9) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không

**10) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật BHXH số 58/2014/QH13 ngày 20/11/2014;

- Luật BHYT số 25/2008/QH12 ngày 28/11/2008; Luật BHYT số 46/2014/QH13 ngày 13/6/2014;

- Luật Việc làm số 38/2013/QH13 ngày 16/11/2013;

- Nghị định số 115/2015/NĐ-CP ngày 11/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật BHXH về BHXH bắt buộc;

- Nghị định số 105/2014/NĐ-CP ngày 15/11/2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật BHYT;

- Nghị định số 134/2015/NĐ-CP ngày 29/12/2015 quy định chi tiết một số điều của Luật BHXH về BHXH tự nguyện;

- Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12/3/2015 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về BHTN;

- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch;

- Thông tư số 28/2015/TT-BLĐTBXH ngày 31/7/2015 hướng dẫn thực hiện Điều 52 của Luật Việc làm và một số điều của Nghị định số 28/2015/NĐ-CP;

- Thông tư số 01/2016/TT-BLĐTBXH ngày 18/2/2016 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật BHXH về BHXH tự nguyện;

- Thông tư số 13/TT-NV ngày 04/9/1972 của Bộ Nội vụ hướng dẫn và quy định cụ thể về việc tính thời gian công tác của công nhân, viên chức Nhà nước;
- Thông tư liên tịch số 37/2012/TTLT-BLĐTBXH-BYT-BTC-BGDĐT ngày 28/12/2012 xác định mức độ khuyết tật do Hội đồng xác định mức độ khuyết tật thực hiện;
- Thông tư liên tịch số 18/2009/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 03/8/2009;
- Quyết định số 250/QĐ-TTg ngày 29/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc giải quyết chế độ, chính sách đối với chủ nhiệm hợp tác xã có quy mô toàn xã trong thời kỳ bao cấp chưa được hưởng chế độ của Nhà nước;
- Công văn số 4533/BHXH-CSXH ngày 14/11/2013 của BHXH Việt Nam về việc hướng dẫn thực hiện Quyết định số 250/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ;
- Thông tư liên tịch số 41/2014/TTLT-BYT-BTC ngày 24/11/2014 của liên Bộ Y tế, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện BHYT;
- Quyết định số 595/QĐ-BHXH ngày 14/4/2017 của BHXH Việt Nam ban hành Quy trình thu BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN; quản lý sổ BHXH, thẻ BHYT.
- Quyết định số 838/QĐ-BHXH ngày 29/5/2017 của BHXH Việt Nam về việc ban hành Quy trình giao dịch điện tử trong lĩnh vực BHXH, BHYT và BHTN.
- Quyết định số 888/QĐ-BHXH ngày 16/7/2018 sửa đổi bổ sung một số điều Quyết định số 595/QĐ-BHXH ngày 14/4/2017 của BHXH Việt Nam.
- Quyết định số 505/QĐ-BHXH ngày 27/02/2020 sửa đổi bổ sung một số điều Quyết định số 595/QĐ-BHXH ngày 14/4/2017 của BHXH Việt Nam.

**Mẫu TK1-TS**(Ban hành kèm theo QĐ số: 888/QĐ-BHXH  
ngày 16/7/2018 của BHXH Việt Nam)**BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****TỜ KHAI****THAM GIA, ĐIỀU CHỈNH THÔNG TIN BẢO HIỂM XÃ HỘI, BẢO HIỂM Y TẾ****(Áp dụng đối với người tham gia chưa được cấp mã số BHXH và thay đổi thông tin)****I. Đối với người chưa được cấp mã số BHXH (người tham gia chỉ kê khai từ chỉ tiêu [01] đến chỉ tiêu [13] dưới đây).**

[01]. Họ và tên (viết chữ in hoa): .....

[02]. Ngày, tháng, năm sinh: ...../...../..... [03]. Giới tính: .....

[04]. Quốc tịch ..... [05]. Dân tộc .....

[06]. Nơi đăng ký giấy khai sinh: [06.1]. Xã (phường, thị trấn): .....

[06.2]. Huyện (quận, thị xã, Tp thuộc tỉnh): ..... [06.3]. Tỉnh (Tp): .....

[07]. Địa chỉ nhận kết quả: [07.1]. Số nhà, đường phố, thôn xóm: .....

[07.2]. Xã (phường, thị trấn): ..... [07.3] Huyện (quận, thị xã, Tp thuộc tỉnh):

..... [07.4]. Tỉnh(Tp): .....

[08]. Số CMND/ Hộ chiếu/ Thẻ căn cước: ..... [09]. Số điện thoại liên hệ: .....

[10]. Họ tên cha/ mẹ/ người giám hộ (đối với trẻ em dưới 6 tuổi): .....

[11]. Mức tiền đóng: ..... [12]. Phương thức đóng: .....

(Chỉ tiêu [11], [12] chỉ áp dụng đối với người tham gia BHXH tự nguyện)

[13]. Nơi đăng ký khám bệnh, chữa bệnh ban đầu (không áp dụng đối với người tham gia BHXH tự nguyện): .....

[14]. Trường hợp người tham gia BHYT theo hộ gia đình được giảm trừ mức đóng thì kê khai thêm Phụ lục (Phụ lục kèm theo) và không phải nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, chứng minh thư, thẻ căn cước.

**II. Đối với người đã được cấp mã số BHXH thay đổi thông tin ghi trên sổ BHXH, thẻ BHYT (người tham gia chỉ kê khai từ chỉ tiêu [01] đến chỉ tiêu [05] dưới đây)**

[01]. Họ và tên (viết chữ in hoa): .....

[02]. Ngày, tháng, năm sinh: ...../...../..... [03]. Mã số BHXH: .....

[04]. Nội dung thay đổi, yêu cầu: .....

[05]. Hồ sơ kèm theo (nếu có): .....

**XÁC NHẬN CỦA ĐƠN VỊ**  
(chỉ áp dụng đối với người lao động đang tham gia  
BHXH bắt buộc thay đổi họ, tên đệm, tên; ngày,  
tháng, năm sinh)Tôi cam đoan những nội dung kê khai là đúng và  
chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung  
đã kê khai  
....., ngày..... tháng..... năm.....**Người kê khai**  
(Ký, ghi rõ họ tên)



**PHỤ LỤC THÀNH VIÊN HỘ GIA ĐÌNH**

Họ và tên chủ hộ: ..... Số điện thoại (nếu có): .....

Địa chỉ: Thôn (bản, tổ dân phố)..... Xã (phường, thị trấn): .....

Huyện (quận, thị xã, Tp thuộc tỉnh): ..... Tỉnh (Tp): .....

Stt	Họ và tên	Mã số BHXH	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Nơi cấp giấy khai sinh	Mối quan hệ với chủ hộ	Số CMND/ Thẻ căn cước/ Hộ chiếu	Ghi chú
A	B	1	2	3	4	5	6	7
1								
2								
3								
4								
...								

- Trường hợp chưa có mã số BHXH thì kê khai các chỉ tiêu tại phần I của Tờ khai tham gia và điều chỉnh thông tin BHXH, BHYT (Mẫu TK1-TS)
- Người tham gia kê khai đầy đủ, chính xác các thành viên hộ gia đình, không phải xuất trình sổ hộ khẩu hoặc sổ tạm trú để chứng minh tình trạng tham gia.

Tôi cam đoan những nội dung kê khai là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung đã kê khai

....., ngày..... tháng..... năm.....

**Người kê khai**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Mẫu D01-TS**

(Ban hành kèm theo QĐ số: 595/QĐ-BHXH  
ngày 14/4/2017 của BHXH Việt Nam)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢNG KÊ THÔNG TIN**

(1): .....

(Kèm theo (2).....)

TT	Họ và tên	Mã số BHXH	Tên, loại văn bản	Số hiệu văn bản	Ngày ban hành	Ngày văn bản có hiệu lực	Cơ quan ban hành văn bản	Trích yếu văn bản	Trích lược nội dung cần thẩm định
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
	.....								
	.....								
	.....								
	.....								
	.....								

Đơn vị cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về kiểm tra, đối chiếu, lập bảng kê và lưu trữ hồ sơ của người lao động./.

Ngày..... tháng..... năm.....

**Thủ trưởng đơn vị**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

## **B. LĨNH VỰC THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH BẢO HIỂM XÃ HỘI**

### **I. Giải quyết hưởng chế độ tử tuất:**

#### **1) Trình tự thực hiện:**

##### **Bước 1:**

a) Đối với người lao động (NLĐ) đang đóng BHXH mà bị chết: Đơn vị sử dụng lao động (SDLĐ) tiếp nhận đủ hồ sơ từ thân nhân NLĐ, nộp hồ sơ theo quy định cho cơ quan BHXH nơi đơn vị SDLĐ đóng BHXH.

Trường hợp thực hiện giao dịch điện tử: Đơn vị SDLĐ lập hồ sơ bằng Phần mềm kê khai của BHXH Việt Nam hoặc của Tổ chức I-VAN; Ký số trên hồ sơ và gửi đến Cổng thông tin điện tử BHXH Việt Nam hoặc qua Tổ chức I-VAN, nộp hoặc gửi bản giấy Tờ khai của thân nhân cho cơ quan BHXH.

b) Đối với NLĐ bị chết mà đang bảo lưu thời gian đóng BHXH bắt buộc (áp dụng đối với cả trường hợp người bị chết trong thời gian đang đóng BHXH mà đơn vị SDLĐ đã thực hiện chốt sổ BHXH nếu thân nhân có nguyện vọng, trừ trường hợp chết do TNLĐ, BNN) hoặc đang chờ đủ điều kiện về tuổi đời để hưởng chế độ hưu trí, trợ cấp cán bộ xã hàng tháng hoặc gia đình BHXH tự nguyện: Thân nhân nộp hồ sơ theo quy định cho BHXH huyện hoặc BHXH tỉnh hoặc UBND cấp xã nơi thân nhân cư trú.

Trường hợp giao dịch điện tử: Thân nhân NLĐ đăng ký nhận mã xác thực và gửi hồ sơ điện tử đến Cổng thông tin điện tử BHXH Việt Nam hoặc qua Tổ chức I-VAN, nộp hoặc gửi bản giấy Tờ khai của thân nhân cho cơ quan BHXH; trường hợp không chuyển hồ sơ giấy sang định dạng điện tử thì gửi toàn bộ hồ sơ giấy cho cơ quan BHXH qua dịch vụ bưu chính công ích.

c) Đối với người đang hưởng, đang tạm dừng hưởng lương hưu, trợ cấp BHXH hàng tháng chết: Nộp hồ sơ theo quy định cho BHXH huyện hoặc BHXH tỉnh nơi thân nhân cư trú hoặc nơi đang chi trả lương hưu, trợ cấp BHXH hàng tháng hoặc UBND cấp xã nơi thân nhân cư trú.

Trường hợp giao dịch điện tử: Thân nhân NLĐ đăng ký nhận mã xác thực và gửi hồ sơ điện tử đến Cổng thông tin điện tử BHXH Việt Nam hoặc qua Tổ chức I-VAN, nộp hoặc gửi bản giấy Tờ khai của thân nhân cho cơ quan BHXH; trường hợp không chuyển hồ sơ giấy sang định dạng điện tử thì gửi toàn bộ hồ sơ giấy cho cơ quan BHXH qua dịch vụ bưu chính công ích.

##### **Bước 2:**

a) Cơ quan BHXH tiếp nhận đủ hồ sơ từ đơn vị SDLĐ hoặc thân nhân NLĐ; thực hiện đối chiếu bản chính đối với thành phần hồ sơ là bản sao không có chứng thực và trả lại bản chính cho NLĐ hoặc cho đơn vị SDLĐ.

b) Giải quyết, trả kết quả giải quyết cho đơn vị SDLĐ, thân nhân NLĐ; tổ chức chi trả trợ cấp cho thân nhân NLĐ.

#### **2) Cách thức thực hiện:**

2.1. Đơn vị SDLĐ, thân nhân NLD lựa chọn nộp hồ sơ và nhận kết quả bằng một trong các hình thức sau:

- Nộp trực tuyến qua Cổng DVC tỉnh Thừa Thiên Huế hoặc Cổng DVC quốc gia.

- Qua dịch vụ bưu chính công ích;

- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Trung tâm Hành chính công cấp huyện (Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Bảo hiểm Xã hội Thừa Thiên Huế).

2.2. Thân nhân NLD nhận trợ cấp bằng một trong các hình thức sau:

- Trực tiếp tại cơ quan BHXH hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích;

- Thông qua tài khoản ngân hàng của thân nhân NLD.

### **3) Thành phần hồ sơ:**

3.1. Đối với thân nhân của người đang đóng BHXH và thân nhân người bảo lưu thời gian đóng BHXH:

3.1.1. Sổ BHXH.

3.1.2. Bản sao Giấy chứng tử hoặc bản sao Giấy báo tử hoặc trích lục khai tử hoặc bản sao Quyết định tuyên bố là đã chết của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật.

3.1.3. Bản chính Tờ khai của thân nhân (Mẫu 09-HSB).

3.1.4. Bản chính Biên bản giám định mức suy giảm KNLD của Hội đồng GDYK đối với thân nhân bị suy giảm KNLD từ 81% trở lên (trường hợp NLD đã có biên bản giám định y khoa để hưởng các chính sách khác trước đó mà đủ điều kiện hưởng thì có thể thay bằng bản sao) hoặc bản sao Giấy xác nhận khuyết tật mức độ đặc biệt nặng (tương đương mức suy giảm KNLD từ 81% trở lên) theo quy định tại Thông tư số 01/2019/TT-BLĐTBXH trong trường hợp hưởng trợ cấp tuất hàng tháng do suy giảm KNLD.

3.1.5. Trường hợp chết do TNLD, BNN thì có thêm bản sao Biên bản điều tra TNLD hoặc bản sao bệnh án điều trị BNN.

3.1.6. Trường hợp thanh toán phí GDYK thì có thêm bản chính Hóa đơn, chứng từ thu phí giám định kèm theo bảng kê các nội dung giám định của cơ sở thực hiện GDYK.

3.1.7. Bản chính Bản khai cá nhân về thời gian, địa bàn phục vụ trong Quân đội có hưởng phụ cấp khu vực (Mẫu số 04C-HBKV) ban hành kèm theo Thông tư số 181/2016/TT-BQP đối với người có thời gian phục vụ trong Quân đội trước ngày 01/01/2007 tại địa bàn có hưởng phụ cấp khu vực mà sổ BHXH không thể hiện đầy đủ thông tin làm căn cứ tính phụ cấp khu vực.

3.2. Đối với thân nhân của người đang hưởng hoặc tạm dừng hưởng lương hưu, trợ cấp BHXH hằng tháng: Hồ sơ như quy định tại các điểm 1.2, 1.3, 1.4, 1.6 khoản 1 nêu trên.

**4) Thời hạn giải quyết:** Tối đa 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**5) Số lượng hồ sơ:** 01 bộ (áp dụng cho giao dịch trực tiếp và giao dịch điện tử mà chưa chuyển đổi hồ sơ giấy sang dạng điện tử)

**6) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Tờ khai của thân nhân (Mẫu số 09-HSB).
- Bản khai cá nhân về thời gian, địa bàn phục vụ trong Quân đội có hưởng phụ cấp khu vực (Mẫu số 04C-HBKV) ban hành kèm theo Thông tư số 181/2016/TT-BQP.

**7) Đối tượng thực hiện:** Cá nhân, đơn vị SDLĐ, UBND cấp xã nơi thân nhân cư trú

**8) Phí, Lệ phí:** Không

**9) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

9.1. Điều kiện hưởng chế độ tử tuất hàng tháng:

9.1.1 Những người thuộc một trong các trường hợp sau đây khi chết thì thân nhân được hưởng tiền tuất hằng tháng:

- Đã đóng BHXH đủ 15 năm trở lên nhưng chưa hưởng BHXH một lần;
- Đang hưởng lương hưu, trợ cấp mất sức lao động hàng tháng;
- Đang hưởng trợ cấp hàng tháng theo Nghị định số 09/1998/NĐ-CP;
- Chết do TNLĐ, BNN;
- Đang hưởng trợ cấp TNLĐ, BNN hàng tháng với mức suy giảm KNLĐ từ 61% trở lên.

9.1.2 Thân nhân của những người quy định nêu trên được hưởng trợ cấp tuất hằng tháng, bao gồm:

- Con chưa đủ 18 tuổi; con từ đủ 18 tuổi trở lên nếu bị suy giảm KNLĐ từ 81% trở lên; con được sinh khi người bố chết mà người mẹ đang mang thai;

- Vợ từ đủ 55 tuổi trở lên hoặc chồng từ đủ 60 tuổi trở lên; vợ dưới 55 tuổi, chồng dưới 60 tuổi nếu bị suy giảm KNLĐ từ 81% trở lên;

- Cha đẻ, mẹ đẻ, cha đẻ của vợ hoặc cha đẻ của chồng, mẹ đẻ của vợ hoặc mẹ đẻ của chồng, thành viên khác trong gia đình mà người tham gia BHXH đang có nghĩa vụ nuôi dưỡng theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình nếu từ đủ 60 tuổi trở lên đối với nam, từ đủ 55 tuổi trở lên đối với nữ;

- Cha đẻ, mẹ đẻ, cha đẻ của vợ hoặc cha đẻ của chồng, mẹ đẻ của vợ hoặc mẹ đẻ của chồng, thành viên khác trong gia đình mà người tham gia BHXH đang có nghĩa vụ nuôi dưỡng theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình nếu dưới 60 tuổi đối với nam, dưới 55 tuổi đối với nữ và bị suy giảm KNLĐ từ 81 % trở lên.

- Thân nhân nêu trên (trừ thân nhân là con) phải không có thu nhập hoặc có thu nhập hằng tháng nhưng thấp hơn mức lương cơ sở. Thu nhập không bao gồm khoản trợ cấp theo quy định của pháp luật về ưu đãi người có công.

9.2. Điều kiện hưởng chế độ tử tuất một lần: Những người thuộc một trong các trường hợp sau đây khi chết thì thân nhân được hưởng trợ cấp tuất một lần:

- NLD chết không thuộc các trường hợp quy định tại khoản 1 nêu trên;
- NLD chết thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 1 nêu trên nhưng không có thân nhân hưởng tiền tuất hằng tháng;
- Thân nhân thuộc diện hưởng trợ cấp tuất hằng tháng mà có nguyện vọng hưởng trợ cấp tuất một lần, trừ trường hợp con dưới 06 tuổi, con hoặc vợ hoặc chồng mà bị suy giảm KNLD từ 81% trở lên;
- Trường hợp NLD chết mà không có thân nhân quy định tại khoản 6 Điều 3 của Luật BHXH số 58/2014/QH13 thì trợ cấp tuất một lần được thực hiện theo quy định của pháp luật về thừa kế.

9.3. Điều kiện hưởng đối với người có thời gian làm chủ nhiệm hợp tác xã theo quy định tại Quyết định số 250/QĐ-TTg: Người có thời gian làm Chủ nhiệm hợp tác xã nông nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có quy mô toàn xã từ ngày 01/7/1997 trở về trước, sau khi thôi làm Chủ nhiệm hợp tác xã có thời gian làm ít nhất một trong các công việc quy định tại Điều 1 Quyết định số 250/QĐ-TTg đã từ trần.

#### **10) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật BHXH số 58/2014/QH13 ngày 20/11/2014;
- Luật An toàn, vệ sinh lao động số 84/2015/QH13;
- Luật BHYT số 25/2008/QH12 ngày 28/11/2008; Luật BHYT số 46/2014/QH13 ngày 13/6/2014;
- Luật Việc làm số 38/2013/QH13 ngày 16/11/2013;
- Nghị định số 33/2016/NĐ-CP;
- Nghị định số 39/2016/NĐ-CP;
- Nghị định số 166/2016/NĐ-CP;
- Nghị định số 143/2018/NĐ-CP;
- Nghị định số 115/2015/NĐ-CP ngày 11/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật BHXH về BHXH bắt buộc;
- Nghị định số 105/2014/NĐ-CP ngày 15/11/2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật BHYT;
- Nghị định số 134/2015/NĐ-CP ngày 29/12/2015 quy định chi tiết một số điều của Luật BHXH về BHXH tự nguyện;
- Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12/3/2015 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về BHTN;

- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch;

- Thông tư số 59/2015/TT-BLĐTBXH ngày 19/12/2015 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội;

- Thông tư số 28/2015/TT-BLĐTBXH ngày 31/7/2015 hướng dẫn thực hiện Điều 52 của Luật Việc làm và một số điều của Nghị định số 28/2015/NĐ-CP;

- Thông tư số 01/2016/TT-BLĐTBXH ngày 18/2/2016 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật BHXH về BHXH tự nguyện;

- Thông tư số 13/TT-NV ngày 04/9/1972 của Bộ Nội vụ hướng dẫn và quy định cụ thể về việc tính thời gian công tác của công nhân, viên chức Nhà nước;

- Thông tư liên tịch số 37/2012/TTLT-BLĐTBXH-BYT-BTC-BGDĐT ngày 28/12/2012 xác định mức độ khuyết tật do Hội đồng xác định mức độ khuyết tật thực hiện;

- Thông tư liên tịch số 18/2009/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 03/8/2009;

- Thông tư số 01/2016/TT-BLĐTBXH ngày 18/02/2016 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội;

- Thông tư số 01/2019/TT-BLĐTBXH ngày 02 tháng 01 năm 2019 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội;

- Thông tư số 181/2016/TT-BQP của Bộ Quốc phòng hướng dẫn về hồ sơ, quy trình và trách nhiệm giải quyết hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội trong Bộ Quốc phòng;

- Quyết định số 250/QĐ-TTg ngày 29/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc giải quyết chế độ, chính sách đối với chủ nhiệm hợp tác xã có quy mô toàn xã trong thời kỳ bao cấp chưa được hưởng chế độ của Nhà nước;

- Công văn số 4533/BHXH-CSXH ngày 14/11/2013 của BHXH Việt Nam về việc hướng dẫn thực hiện Quyết định số 250/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ;

- Quyết định số 595/QĐ-BHXH ngày 14/4/2017 của BHXH Việt Nam ban hành Quy trình thu BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN; quản lý sổ BHXH, thẻ BHYT.

- Quyết định số 838/QĐ-BHXH ngày 29/5/2017 của BHXH Việt Nam về việc ban hành Quy trình giao dịch điện tử trong lĩnh vực BHXH, BHYT và BHTN.

- Quyết định số 1380/QĐ-TTg ngày 18/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt "Đề án thực hiện liên thông các thủ tục hành chính: Đăng ký khai

tử, xóa đăng ký thường trú, hưởng chế độ tử tuất/ hỗ trợ chi phí mai táng/ hưởng mai táng phí"

- Quyết định số 166/QĐ-BHXH ngày 31/01/2019 của BHXH Việt Nam.



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----  
**TỜ KHAI CỦA THÂN NHÂN**

**I. Họ và tên người khai (1):** .....; sinh ngày...../...../.....; Nam/Nữ.....; Quan hệ với người chết:.....

Số CMND/số căn cước công dân/hộ chiếu:.....do

.....cấp ngày ...../...../.....;

Nơi cư trú (Ghi chi tiết số nhà, phố, tổ, thôn, xã/phường/thị trấn, quận/huyện, tỉnh/thành phố):

.....

Số điện thoại di động liên hệ:

**II. Họ và tên người chết:** ..... mã số BHXH:.....; chết ngày .....

Nơi hưởng lương hưu/trợ cấp BHXH (đối với người đang hưởng lương hưu hoặc trợ cấp BHXH hàng tháng) hoặc đơn vị công tác (đối với người đang làm việc), nơi đóng BHXH (đối với người đang đóng BHXH tự nguyện, tự đóng tiếp BHXH bắt buộc), nơi cư trú (đối với người bảo lưu thời gian đóng BHXH) trước khi chết:

**III. Danh sách thân nhân (Kê khai tất cả thân nhân theo thứ tự con, vợ hoặc chồng, cha đẻ, mẹ đẻ, cha vợ hoặc cha chồng, mẹ vợ hoặc mẹ chồng; thành viên khác trong gia đình mà người tham gia BHXH khi còn sống có nghĩa vụ nuôi dưỡng. Trường hợp thân nhân đã chết thì ghi "đã chết" vào cột "địa chỉ nơi cư trú" và không phải kê khai cột "ngày tháng năm sinh" và 4 cột ngoài cùng bên phải)**

Số TT	Họ và tên (Trường hợp nhận trợ cấp tuất tháng qua tài khoản thẻ ATM thì ghi bổ sung trong ngoặc đơn ngay dưới họ tên: số tài khoản..., ngân hàng mở tài khoản..., chi nhánh mở tài khoản...)	Mối quan hệ với người chết (2)	Ngày, tháng, năm sinh		Địa chỉ nơi cư trú, số điện thoại (Chi chi tiết số nhà, phố, tổ, thôn, xã/phường/thị trấn, quận/huyện, tỉnh/thành phố; ghi số điện thoại di động trong trường hợp nhận trợ cấp)	Mã số BHXH/số CMND/ số căn cước công dân/ hộ chiếu (3)	Mức thu nhập hàng tháng (4)	(5) Loại trợ cấp tuất được hưởng
			Nam	Nữ				
1								
2..								

Trường hợp thân nhân hưởng trợ cấp tử tuất chưa đủ 15 tuổi hoặc bị mất, hạn chế năng lực hành vi dân sự thì khai bổ sung:

Số TT	Họ, tên người hưởng trợ cấp	Họ, tên người đứng tên nhận trợ cấp (Trường hợp nhận trợ cấp tuất tháng qua tài khoản thẻ ATM thì ghi bổ sung trong ngoặc đơn ngay dưới họ tên: số tài khoản..., ngân hàng mở tài khoản..., chi	Mối quan hệ của người đứng tên nhận trợ cấp với người hưởng trợ cấp	Mã số BHXH/số CMND/ số căn cước công dân/ hộ chiếu (3) (Nếu người đứng tên nhận trợ cấp trùng với thân nhân đã khai ở bảng trên khi không phải khai cột này)	Địa chỉ nơi cư trú (Ghi chi tiết số nhà, phố, tổ, thôn, xã/phường/thị trấn, quận/huyện, tỉnh/thành phố; Nếu người đứng tên nhận trợ cấp trùng với thân nhân đã khai ở bảng trên khi không phải khai cột này)	Số điện thoại di động

		<i>nhánh mở tài khoản...)</i>					
1							
...							

**IV. Người nhận trợ cấp mai táng, các khoản trợ cấp tuất một lần**

1. Họ và tên người nhận trợ cấp mai táng (8):

2. Họ và tên người được cử nhận các khoản trợ cấp tuất một lần (8):

**V. Cam kết của người khai:** Tôi cam kết Tôi là người được các thân nhân thống nhất ủy quyền lập Tờ khai của thân nhân theo mẫu số 09-HSB Tôi xin cam đoan những nội dung kê khai trên đây là đầy đủ, đúng sự thật, nếu sai hoặc có khiếu kiện về sau tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật. Đề nghị cơ quan BHXH xem xét, giải quyết chế độ tử tuất cho gia đình tôi theo quy định./.

(9)....

....., ngày.....tháng.....năm.....

**Chứng thực về chữ ký hoặc điểm chỉ của người khai (6)**

....., ngày.....tháng.....năm.....

**Người khai**  
(ký hoặc điểm chỉ, ghi rõ họ tên)

Xác nhận của các thân nhân về việc cử người đại diện kê khai, nhận trợ cấp một lần; về lựa chọn nhận trợ cấp tuất một lần (7)

**Thân nhân**  
(Ký hoặc điểm chỉ, ghi rõ họ tên)

**Thân nhân**  
(Ký hoặc điểm chỉ, ghi rõ họ tên)

**Thân nhân**  
(Ký hoặc điểm chỉ, ghi rõ họ tên)

**Thân nhân**  
(Ký hoặc điểm chỉ, ghi rõ họ tên)

## **II. Giải quyết hưởng bảo hiểm xã hội một lần**

### **1) Trình tự thực hiện:**

**Bước 1:** NLD nộp hồ sơ theo quy định cho BHXH huyện hoặc BHXH tỉnh trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích.

Trường hợp giao dịch điện tử: NLD đăng ký nhận mã xác thực và gửi hồ sơ điện tử đến Cổng thông tin điện tử BHXH Việt Nam hoặc qua Tổ chức I-VAN, trường hợp chưa chuyển hồ sơ giấy sang định dạng điện tử thì gửi hồ sơ giấy cho cơ quan BHXH qua dịch vụ bưu chính công ích.

### **Bước 2:**

- Cơ quan BHXH huyện/tỉnh: Tiếp nhận đủ hồ sơ từ NLD; thực hiện đối chiếu với bản chính đối với thành phần hồ sơ là bản sao không có chứng thực và trả lại bản chính cho NLD.

- Giải quyết và trả kết quả giải quyết cho NLD.

**Bước 3:** NLD trực tiếp nhận kết quả giải quyết, trường hợp không đến nhận trực tiếp thì người nhận thay phải có Giấy ủy quyền (Mẫu số 13-HSB) hoặc bản chính Hợp đồng ủy quyền theo quy định của pháp luật.

### **2) Cách thức thực hiện:**

2.1. NLD lựa chọn nộp hồ sơ bằng một trong các hình thức sau:

- Nộp trực tuyến qua Cổng DVC tỉnh Thừa Thiên Huế hoặc Cổng DVC quốc gia.

- Qua dịch vụ bưu chính công ích;

- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Trung tâm Hành chính công cấp huyện (Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Bảo hiểm Xã hội Thừa Thiên Huế).

2.2. NLD nhận trợ cấp bằng một trong các hình thức sau:

- Bằng tiền mặt tại cơ quan BHXH hoặc bưu điện.

- Thông qua tài khoản ATM của NLD.

### **3) Thành phần hồ sơ:**

3.1. Trường hợp hưởng BHXH một lần:

3.1.1. Sổ BHXH.

3.1.2. Bản chính Đơn đề nghị (Mẫu số 14-HSB).

3.1.3. Đối với người ra nước ngoài để định cư phải nộp thêm bản sao Giấy xác nhận của cơ quan có thẩm quyền về việc thôi quốc tịch Việt Nam hoặc bản dịch tiếng Việt được chứng thực hoặc công chứng một trong các giấy tờ sau đây:

- Hộ chiếu do nước ngoài cấp.

- Thị thực của cơ quan nước ngoài có thẩm quyền cấp có xác nhận việc cho phép nhập cảnh với lý do định cư ở nước ngoài.

- Giấy tờ xác nhận về việc đang làm thủ tục nhập quốc tịch nước ngoài; giấy tờ xác nhận hoặc thẻ thường trú, cư trú có thời hạn từ 05 năm trở lên của cơ quan nước ngoài có thẩm quyền cấp.

3.1.4. Trường hợp bị mắc những bệnh nguy hiểm đến tính mạng như: Ung thư, bại liệt, xơ gan cổ chướng, phong, lao nặng, nhiễm HIV đã chuyển sang giai đoạn AIDS thì có thêm bản chính trích sao/tóm tắt hồ sơ bệnh án thể hiện tình trạng không tự phục vụ được; nếu bị mắc các bệnh khác thì thay bằng bản chính Biên bản giám định mức suy giảm từ 81% KNLD trở lên của Hội đồng GDYK thể hiện tình trạng không tự phục vụ được.

3.1.5. Trường hợp thanh toán phí GDYK thì có thêm bản chính hóa đơn, chứng từ thu phí giám định kèm theo bản chính bảng kê các nội dung giám định của cơ sở thực hiện GDYK.

3.1.6. Bản chính Bản khai cá nhân về thời gian, địa bàn phục vụ trong Quân đội có hưởng phụ cấp khu vực (Mẫu số 04B-HBKV) ban hành kèm theo Thông tư số 181/2016/TT-BQP đối với người có thời gian phục vụ trong Quân đội trước ngày 01/01/2007 tại địa bàn có hưởng phụ cấp khu vực mà sổ BHXH không thể hiện đầy đủ thông tin làm căn cứ tính phụ cấp khu vực.

3.2. Đối với NLD là công dân nước ngoài làm việc tại Việt Nam hưởng BHXH một lần: Hồ sơ như nêu tại nội dung 1.2, 1.4, 1.5, thuộc mục 1 này.

**4) Thời hạn giải quyết:** Tối đa 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**5) Số lượng hồ sơ:** 01 bộ (áp dụng cho giao dịch trực tiếp và giao dịch điện tử mà chưa chuyển đổi hồ sơ giấy sang dạng điện tử)

**6) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Đơn đề nghị (Mẫu số 14-HSB)
- Giấy ủy quyền (Mẫu số 13-HSB)

**7) Đối tượng thực hiện:** Cá nhân.

**8) Phí, Lệ phí:** Không

**9) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

NLD khi có yêu cầu hưởng BHXH một lần thuộc một trong các trường hợp sau:

9.1. Đủ tuổi hưởng lương hưu theo quy định tại các khoản 1, 2 và 4 Điều 54 của Luật BHXH số 58/2014/QH13 mà chưa đủ 20 năm đóng BHXH hoặc theo quy định tại khoản 3 Điều 54 của Luật BHXH số 58/2014/QH13 mà chưa đủ 15 năm đóng BHXH và không tiếp tục tham gia BHXH tự nguyện;

9.2. Ra nước ngoài để định cư;

9.3. Người đang bị mắc một trong những bệnh nguy hiểm đến tính mạng như ung thư, bại liệt, xơ gan cổ chướng, phong, lao nặng, nhiễm HIV đã chuyển sang giai đoạn AIDS và những bệnh khác theo quy định của Bộ Y tế;

9.4. Trường hợp NLD quy định tại điểm đ và điểm e khoản 1 Điều 2 của Luật BHXH số 58/2014/QH13 khi phục viên, xuất ngũ, thôi việc mà không đủ điều kiện để hưởng lương hưu.

9.5. Trường hợp NLD tham gia BHXH bắt buộc sau một năm nghỉ việc, người tham gia BHXH tự nguyện sau một năm không tiếp tục đóng BHXH mà chưa đủ 20 năm đóng BHXH khi có yêu cầu thì được nhận BHXH một lần.

9.6. Đối với NLD là công dân nước ngoài làm việc tại Việt Nam:

- Đủ tuổi hưởng lương hưu theo quy định tại khoản 1 Điều này mà chưa đủ 20 năm đóng BHXH;

- Người đang bị mắc một trong những bệnh nguy hiểm đến tính mạng như ung thư, bại liệt, xơ gan cổ chướng, phong, lao nặng, nhiễm HIV đã chuyển sang giai đoạn AIDS và những bệnh khác theo quy định của Bộ Y tế;

- NLD đủ điều kiện hưởng lương hưu theo quy định tại khoản 1 Điều này nhưng không tiếp tục cư trú tại Việt Nam;

- NLD khi chấm dứt hợp đồng lao động hoặc giấy phép lao động, chứng chỉ hành nghề, giấy phép hành nghề hết hiệu lực mà không được gia hạn.

#### **10) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật BHXH số 58/2014/QH13 ngày 20/11/2014;

- Luật An toàn, vệ sinh lao động số 84/2015/QH13;

- Luật BHYT số 25/2008/QH12 ngày 28/11/2008; Luật BHYT số 46/2014/QH13 ngày 13/6/2014;

- Luật Việc làm số 38/2013/QH13 ngày 16/11/2013;

- Nghị định số 33/2016/NĐ-CP;

- Nghị định số 39/2016/NĐ-CP;

- Nghị định số 166/2016/NĐ-CP;

- Nghị định số 143/2018/NĐ-CP;

- Nghị định số 115/2015/NĐ-CP ngày 11/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật BHXH về BHXH bắt buộc;

- Nghị định số 105/2014/NĐ-CP ngày 15/11/2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật BHYT;

- Nghị định số 134/2015/NĐ-CP ngày 29/12/2015 quy định chi tiết một số điều của Luật BHXH về BHXH tự nguyện;

- Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12/3/2015 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về BHTN;

- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch;

- Thông tư số 59/2015/TT-BLĐTBXH ngày 19/12/2015 của Bộ Lao động

- Thương binh và Xã hội;

- Thông tư số 28/2015/TT-BLĐTBXH ngày 31/7/2015 hướng dẫn thực hiện Điều 52 của Luật Việc làm và một số điều của Nghị định số 28/2015/NĐ-CP;

- Thông tư số 01/2016/TT-BLĐTBXH ngày 18/2/2016 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật BHXH về BHXH tự nguyện;

- Thông tư số 13/TT-NV ngày 04/9/1972 của Bộ Nội vụ hướng dẫn và quy định cụ thể về việc tính thời gian công tác của công nhân, viên chức Nhà nước;

- Thông tư liên tịch số 37/2012/TTLT-BLĐTBXH-BYT-BTC-BGDĐT ngày 28/12/2012 xác định mức độ khuyết tật do Hội đồng xác định mức độ khuyết tật thực hiện;

- Thông tư liên tịch số 18/2009/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 03/8/2009;

- Thông tư số 01/2016/TT-BLĐTBXH ngày 18/02/2016 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội;

- Thông tư số 01/2019/TT-BLĐTBXH ngày 02 tháng 01 năm 2019 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội;

- Thông tư số 181/2016/TT-BQP của Bộ Quốc phòng hướng dẫn về hồ sơ, quy trình và trách nhiệm giải quyết hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội trong Bộ Quốc phòng;

- Quyết định số 250/QĐ-TTg ngày 29/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc giải quyết chế độ, chính sách đối với chủ nhiệm hợp tác xã có quy mô toàn xã trong thời kỳ bao cấp chưa được hưởng chế độ của Nhà nước;

- Công văn số 4533/BHXH-CSXH ngày 14/11/2013 của BHXH Việt Nam về việc hướng dẫn thực hiện Quyết định số 250/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ;

- Quyết định số 595/QĐ-BHXH ngày 14/4/2017 của BHXH Việt Nam ban hành Quy trình thu BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN; quản lý sổ BHXH, thẻ BHYT.

- Quyết định số 838/QĐ-BHXH ngày 29/5/2017 của BHXH Việt Nam về việc ban hành Quy trình giao dịch điện tử trong lĩnh vực BHXH, BHYT và BHTN.

- Quyết định số 1380/QĐ-TTg ngày 18/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt "Đề án thực hiện liên thông các thủ tục hành chính: Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hưởng chế độ tử tuất/ hỗ trợ chi phí mai táng/ hưởng mai táng phí"

- Quyết định số 166/QĐ-BHXH ngày 31/01/2019 của BHXH Việt Nam.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

Kính gửi: Bảo hiểm xã hội.....

Họ và tên (1):..... sinh ngày ...../...../..... giới tính.....

Mã số BHXH:.....

Số CMND/căn cước công dân/ Số Hộ chiếu: ..... do ..... cấp ngày ..... tháng ..... năm.....;

Số điện thoại di động (2): .....

Địa chỉ liên hệ (3):..... (4)

Nội dung yêu cầu giải quyết (5):

**BHXH một lần**

**Lương hưu.** Thời điểm hưởng từ tháng ..... năm .....

- Lý do nộp chậm (6): .....

**Trợ cấp một lần để đi nước ngoài định cư**

**Chuyển nơi hưởng (hồ sơ chờ hưởng) lương hưu, trợ cấp BHXH** từ tháng ..... năm .....

**Hưởng lại lương hưu/trợ cấp BHXH** từ tháng ..... năm .....

**Nhận lương hưu/trợ cấp BHXH của những tháng chưa nhận**

**Yêu cầu khác (7):**.....

**Địa chỉ nhận lương hưu/trợ cấp BHXH/nơi cư trú mới** .....(8)

**Nơi đăng ký KCB:** .....

**Hình thức nhận tiền lương hưu/trợ cấp BHXH (9)**

Tiền mặt       Tại cơ quan BHXH       Qua tổ chức dịch vụ BHXH

ATM: Chủ tài khoản ..... Số tài khoản ..... Ngân hàng .....

Chi nhánh .....

Giải trình trong trường hợp nộp hồ sơ chậm (10):

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**Người làm đơn**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----  
**GIẤY ỦY QUYỀN**

**I. Người ủy quyền:**

Họ và tên: ....., sinh ngày ..... /..... /.....

Mã số BHXH:.....

Loại chế độ được hưởng: .....

Số điện thoại liên hệ:.....

Số CMND/số căn cước công dân/số hộ chiếu/: ..... do..... cấp ngày .../...../.....

Nơi cư trú (1): .....

**II. Người được ủy quyền:**

Họ và tên: ....., sinh ngày ..... /..... /.....

Số CMND/số căn cước công dân /hộ chiếu/:..... do..... cấp ngày .../...../.....

Nơi cư trú (1): .....

Số điện thoại:.....

**III. Nội dung ủy quyền(2):**

.....

.....

**IV: Thời hạn ủy quyền: (3).....**

Chúng tôi cam kết chấp hành đúng nội dung ủy quyền như đã nêu ở trên.

Trong trường hợp người ủy quyền (người hưởng chế độ) xuất cảnh trái phép hoặc bị Tòa án tuyên bố là mất tích hoặc bị chết hoặc có căn cứ xác định việc hưởng BHXH không đúng quy định của pháp luật thì Tôi là người được ủy quyền cam kết sẽ thông báo kịp thời cho đại diện chi trả hoặc BHXH cấp huyện. Tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật và hoàn trả lại tiền nếu không thực hiện đúng cam kết./.

....., ngày ... tháng ... năm ....  
**Chứng thực chữ ký của người ủy quyền (4)**  
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

....., ngày ... tháng ... năm ....  
**Người ủy quyền**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày .... tháng .... năm ....  
**Người được ủy quyền**  
(Ký, ghi rõ họ tên)



### III. Giải quyết hưởng lương hưu, trợ cấp hàng tháng đối với cán bộ xã

#### 1) Trình tự thực hiện:

##### Bước 1:

1. Đối với NLD đang đóng BHXH: Đơn vị SDLĐ tập hợp, lập hồ sơ; nộp đủ hồ sơ theo quy định cho cơ quan BHXH nơi đơn vị đóng BHXH.

- Trường hợp thực hiện giao dịch điện tử: Đơn vị SDLĐ lập hồ sơ bằng Phần mềm kê khai của BHXH Việt Nam hoặc của Tổ chức I-VAN; Ký số gửi đến Cổng thông tin điện tử BHXH Việt Nam hoặc qua Tổ chức I-VAN, trường hợp không chuyển hồ sơ giấy sang định dạng điện tử thì gửi hồ sơ giấy cho cơ quan BHXH qua dịch vụ bưu chính công ích.

2. Đối với người tham gia BHXH tự nguyện, người bảo lưu thời gian đóng BHXH bắt buộc và người tự đóng tiếp BHXH bắt buộc, người chờ đủ điều kiện về tuổi để hưởng lương hưu hoặc chờ hưởng trợ cấp hàng tháng theo Nghị định số 09/1998/NĐ-CP: nộp hồ sơ theo quy định cho cơ quan BHXH huyện hoặc BHXH tỉnh nơi cư trú.

Trường hợp giao dịch điện tử: NLD đăng ký nhận mã xác thực và gửi hồ sơ điện tử đến Cổng thông tin điện tử BHXH Việt Nam hoặc qua Tổ chức I-VAN, trường hợp không chuyển hồ sơ giấy sang định dạng điện tử thì gửi hồ sơ giấy cho cơ quan BHXH qua dịch vụ bưu chính công ích.

##### Bước 2:

1. Cơ quan BHXH tỉnh/huyện tiếp nhận đủ hồ sơ từ đơn vị SDLĐ hoặc NLD; thực hiện đối chiếu với bản chính đối với thành phần hồ sơ là bản sao không có chứng thực và trả lại bản chính cho NLD hoặc cho đơn vị SDLĐ.

2. Giải quyết, trả kết quả giải quyết cho đơn vị SDLĐ và NLD theo cách thức đơn vị SDLĐ và NLD đã đăng ký; chi trả lương hưu, trợ cấp hàng tháng cho NLD theo hình thức NLD đăng ký.

Bước 3: NLD trực tiếp nhận kết quả giải quyết, trường hợp không đến nhận trực tiếp thì phải người lĩnh thay phải có Giấy ủy quyền (Mẫu số 13-HSB) hoặc Hợp đồng ủy quyền theo quy định của pháp luật để nhận kết quả giải quyết hưởng BHXH.

#### 2) Cách thức thực hiện:

2.1. Đơn vị SDLĐ, NLD lựa chọn nộp hồ sơ và nhận kết quả bằng một trong các hình thức sau:

- Nộp trực tuyến qua Cổng DVC tỉnh Thừa Thiên Huế hoặc Cổng DVC quốc gia.

- Qua dịch vụ bưu chính công ích;

- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Trung tâm Hành chính công cấp huyện (Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Bảo hiểm Xã hội Thừa Thiên Huế).

2.2. NLD nhận lương hưu, trợ cấp bằng một trong các hình thức sau:

- Qua dịch vụ bưu chính công ích;
- Thông qua tài khoản ngân hàng của NLD.

### **3) Thành phần hồ sơ:**

3.1. Trường hợp đang tham gia BHXH bắt buộc tại đơn vị SDLĐ

3.1.1. Bản chính Sổ BHXH;

3.1.2. Bản chính Quyết định nghỉ việc hưởng chế độ hưu trí theo mẫu ban hành kèm theo Nghị định số 46/2010/NĐ-CP hoặc Quyết định về việc nghỉ việc hưởng chế độ hưu trí (Mẫu số 12-HSB) hoặc bản chính Văn bản chấm dứt hợp đồng lao động hưởng chế độ hưu trí.

3.1.3. Bản chính Biên bản giám định mức suy giảm KNLD của Hội đồng GDYK (trường hợp NLD đã có biên bản GDYK để hưởng các chính sách khác trước đó mà đủ điều kiện hưởng thì có thể thay bằng bản sao) đối với người nghỉ hưu do suy giảm KNLD hoặc bản sao Giấy chứng nhận bị nhiễm HIV/AIDS do tai nạn rủi ro nghề nghiệp (tương đương mức suy giảm KNLD 61%) đối với người bị nhiễm HIV/AIDS do tai nạn rủi ro nghề nghiệp.

3.1.4. Bản chính Bản khai cá nhân về thời gian, địa bàn phục vụ trong Quân đội có hưởng phụ cấp khu vực (Mẫu số 04B-HBKV ban hành kèm theo Thông tư số 181/2016/TT-BQP) đối với người có thời gian phục vụ trong Quân đội trước ngày 01/01/2007 tại địa bàn có hưởng phụ cấp khu vực mà sổ BHXH không thể hiện đầy đủ thông tin làm căn cứ tính phụ cấp khu vực.

3.2. Trường hợp tham gia BHXH tự nguyện, bảo lưu thời gian tham gia BHXH (gồm cả người đang chấp hành hình phạt tù, người xuất cảnh trái phép trở về nước định cư hợp pháp, người được Tòa án hủy quyết định tuyên bố mất tích).

3.2.1. Bản chính Sổ BHXH;

3.2.2. Bản chính Đơn đề nghị (Mẫu số 14-HSB);

3.2.3. Bản chính Biên bản giám định mức suy giảm KNLD của Hội đồng GDYK (trường hợp NLD đã có biên bản GDYK để hưởng các chính sách khác trước đó mà đủ điều kiện hưởng thì có thể thay bằng bản sao) đối với người nghỉ hưu do suy giảm KNLD hoặc bản sao giấy chứng nhận bị nhiễm HIV/AIDS do tai nạn rủi ro nghề nghiệp (tương đương mức suy giảm KNLD 61%) đối với người bị nhiễm HIV/AIDS do tai nạn rủi ro nghề nghiệp.

3.2.4. Trường hợp đang chấp hành hình phạt mà thời gian bắt đầu chấp hành hình phạt tù từ ngày 01/01/2016 trở đi thì có thêm bản chính Giấy ủy quyền (Mẫu số 13-HSB).

3.2.5. Trường hợp đã chấp hành xong hình phạt tù giam từ ngày 01/01/1995 đến trước ngày 01/01/2016 thì có thêm bản sao của một trong các giấy tờ sau: Bản sao Giấy chứng nhận chấp hành xong hình phạt tù hoặc bản sao Giấy đặc xá tha tù trước thời hạn hoặc bản sao Quyết định miễn hoặc tạm hoãn chấp hành hình phạt tù.

3.2.6. Trường hợp xuất cảnh trái phép trở về thì có thêm bản sao văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc trở về nước định cư hợp pháp.

3.2.7. Trường hợp mất tích trở về thì có thêm bản sao Quyết định có hiệu lực pháp luật của Tòa án hủy bỏ quyết định tuyên bố mất tích.

3.2.8. Bản chính Bản khai cá nhân về thời gian, địa bàn phục vụ trong Quân đội có hưởng phụ cấp khu vực (Mẫu số 04B-HBKV) ban hành kèm theo Thông tư số 181/2016/TT-BQP đối với người có thời gian phục vụ trong Quân đội trước ngày 01/01/2007 tại địa bàn có hưởng phụ cấp khu vực mà sổ BHXH không thể hiện đầy đủ thông tin làm căn cứ tính phụ cấp khu vực

3.2.9. Bản chính hóa đơn, chứng từ thu phí giám định kèm theo bảng kê các nội dung giám định của cơ sở thực hiện GDYK (trường hợp thanh toán phí GDYK).

3.3. Đối với người có Quyết định hoặc Giấy chứng nhận chờ đủ điều kiện về tuổi đời để hưởng lương hưu hoặc hưởng trợ cấp hàng tháng theo Nghị định số 09/1998/NĐ-CP.

3.3.1. Bản chính Quyết định hoặc bản chính Giấy chứng nhận chờ đủ điều kiện về tuổi đời để hưởng lương hưu hoặc chờ hưởng trợ cấp hàng tháng theo Nghị định số 09/1998/NĐ-CP; trường hợp bị mất giấy tờ trên thì có thêm bản chính Đơn đề nghị (Mẫu số 14-HSB) nêu rõ lý do bị mất.

3.3.2. Hồ sơ đối với từng trường hợp cụ thể như nêu tại nội dung 2.3, 2.4, 2.5, 2.6, 2.7, 2.8, 2.9 điểm 2 ở trên.

**4) Thời hạn giải quyết:** Tối đa 12 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**5) Số lượng hồ sơ:** 01 bộ (áp dụng cho giao dịch trực tiếp và giao dịch điện tử mà chưa chuyển đổi hồ sơ giấy sang dạng điện tử)

**6) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Quyết định về việc nghỉ việc hưởng chế độ hưu trí (Mẫu số 12-HSB)
- Giấy ủy quyền (Mẫu số 13-HSB)
- Đơn đề nghị (Mẫu số 14-HSB)
- Bản khai cá nhân về thời gian, địa bàn phục vụ trong Quân đội có hưởng phụ cấp khu vực (Mẫu số 04B-HBKV) ban hành kèm theo Thông tư số 181/2016/TT-BQP.

**7) Đối tượng thực hiện:** Đơn vị SDLĐ, NLĐ

**8) Phí, Lệ phí:** Không

## **9) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

### **9.1. Điều kiện hưởng lương hưu:**

9.1.1. NLD quy định tại các điểm a, b, c, d, g, h và i khoản 1 Điều 2 của Luật BHXH số 58/2014/QH13, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 dưới đây, khi nghỉ việc có đủ 20 năm đóng BHXH trở lên thì được hưởng lương hưu nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

9.1.1.1. Nam đủ 60 tuổi, nữ đủ 55 tuổi;

9.1.1.2. Nam từ đủ 55 tuổi đến đủ 60 tuổi, nữ từ đủ 50 tuổi đến đủ 55 tuổi và có đủ 15 năm làm nghề hoặc công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm thuộc danh mục do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Y tế ban hành hoặc có đủ 15 năm làm việc ở nơi có phụ cấp khu vực hệ số 0,7 trở lên;

9.1.1.3. NLD từ đủ 50 tuổi đến đủ 55 tuổi và có đủ 20 năm đóng BHXH trở lên mà trong đó có đủ 15 năm làm công việc khai thác than trong hầm lò;

9.1.1.4. Người bị nhiễm HIV/AIDS do tai nạn rủi ro nghề nghiệp.

9.1.2. NLD quy định tại điểm đ và điểm e khoản 1 Điều 2 của Luật BHXH số 58/2014/QH13 nghỉ việc có đủ 20 năm đóng BHXH trở lên được hưởng lương hưu khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

9.1.2.1. Nam đủ 55 tuổi, nữ đủ 50 tuổi, trừ trường hợp Luật Sĩ quan quân đội nhân dân Việt Nam, Luật Công an nhân dân, Luật Cơ yếu có quy định khác;

9.1.2.2. Nam từ đủ 50 tuổi đến đủ 55 tuổi, nữ từ đủ 45 tuổi đến đủ 50 tuổi và có đủ 15 năm làm nghề hoặc công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm thuộc danh mục do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Y tế ban hành hoặc có đủ 15 năm làm việc ở nơi có phụ cấp khu vực hệ số 0,7 trở lên;

9.1.2.3. Người bị nhiễm HIV/AIDS do tai nạn rủi ro nghề nghiệp.

9.1.3. Lao động nữ là người hoạt động chuyên trách hoặc không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn tham gia BHXH khi nghỉ việc mà có từ đủ 15 năm đến dưới 20 năm đóng BHXH và đủ 55 tuổi thì được hưởng lương hưu.

### **9.2. Điều kiện hưởng lương hưu khi suy giảm KNLD**

9.2.1. NLD quy định tại các điểm a, b, c, d, g, h và i khoản 1 Điều 2 của Luật BHXH số 58/2014/QH13 khi nghỉ việc có đủ 20 năm đóng BHXH trở lên được hưởng lương hưu với mức thấp hơn so với người đủ điều kiện hưởng lương hưu quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 54 của Luật BHXH số 58/2014/QH13 nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

9.2.1.1. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2018, nam đủ 53 tuổi, nữ đủ 48 tuổi và bị suy giảm KNLD từ 61% trở lên thì đủ điều kiện hưởng lương hưu khi suy giảm KNLD. Sau đó mỗi năm tăng thêm một tuổi cho đến năm 2020 trở đi, nam

đủ 55 tuổi và nữ đủ 50 tuổi thì mới đủ điều kiện hưởng lương hưu khi suy giảm KNLD từ 61% trở lên;

9.2.1.2. Nam đủ 50 tuổi, nữ đủ 45 tuổi và bị suy giảm KNLD từ 81% trở lên;

9.2.1.3. Bị suy giảm KNLD từ 61% trở lên và có đủ 15 năm trở lên làm nghề hoặc công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm thuộc danh mục do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Y tế ban hành.

9.2.2. NLD quy định tại điểm đ và điểm e khoản 1 Điều 2 của Luật BHXH số 58/2014/QH13 khi nghỉ việc có đủ 20 năm đóng BHXH trở lên, bị suy giảm KNLD từ 61% trở lên được hưởng lương hưu với mức thấp hơn so với người đủ điều kiện hưởng lương hưu quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều 54 của Luật BHXH số 58/2014/QH13 khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

9.2.2.1. Nam đủ 50 tuổi, nữ đủ 45 tuổi trở lên;

9.2.2.2. Có đủ 15 năm trở lên làm nghề hoặc công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm thuộc danh mục do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Y tế ban hành.

9.3. Người tham gia BHXH tự nguyện được hưởng lương hưu khi có đủ các điều kiện sau:

9.3.1. Nam đủ 60 tuổi, nữ đủ 55 tuổi;

9.3.2. Đủ 20 năm đóng BHXH trở lên.

9.4. Điều kiện hưởng lương hưu đối với người chờ đủ tuổi đời để hưởng lương hưu, điều kiện hưởng trợ cấp cán bộ xã hàng tháng theo Nghị định số 09/1998/NĐ-CP đối với người chờ đủ tuổi hưởng trợ cấp:

9.4.1. NLD có 15 năm đóng BHXH trở lên và nghỉ việc chờ đủ điều kiện về tuổi đời để hưởng lương hưu từ trước ngày 01/01/2003 khi nam đủ 60 tuổi, nữ đủ 55 tuổi;

9.4.2. Cán bộ xã có 15 năm đóng BHXH trở lên và nghỉ việc chờ đủ điều kiện về tuổi đời để hưởng chế độ trợ cấp hàng tháng khi nam đủ 55 tuổi, nữ đủ 50 tuổi.

#### **10) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật BHXH số 58/2014/QH13 ngày 20/11/2014;
- Luật An toàn, vệ sinh lao động số 84/2015/QH13;
- Luật BHYT số 25/2008/QH12 ngày 28/11/2008; Luật BHYT số 46/2014/QH13 ngày 13/6/2014;
- Luật Việc làm số 38/2013/QH13 ngày 16/11/2013;
- Nghị định số 33/2016/NĐ-CP;
- Nghị định số 39/2016/NĐ-CP;
- Nghị định số 166/2016/NĐ-CP;

- Nghị định số 143/2018/NĐ-CP;
- Nghị định số 115/2015/NĐ-CP ngày 11/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật BHXH về BHXH bắt buộc;
- Nghị định số 105/2014/NĐ-CP ngày 15/11/2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật BHYT;
- Nghị định số 134/2015/NĐ-CP ngày 29/12/2015 quy định chi tiết một số điều của Luật BHXH về BHXH tự nguyện;
- Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12/3/2015 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về BHTN;
- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch;
- Thông tư số 59/2015/TT-BLĐTBXH ngày 19/12/2015 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội;
- Thông tư số 26/2017/TT-BLĐTBXH ngày 20/09/2017 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội;
- Thông tư số 56/2017/BYT ngày 29/12/2017 của Bộ Y tế;
- Thông tư số 28/2015/TT-BLĐTBXH ngày 31/7/2015 hướng dẫn thực hiện Điều 52 của Luật Việc làm và một số điều của Nghị định số 28/2015/NĐ-CP;
- Thông tư số 01/2016/TT-BLĐTBXH ngày 18/2/2016 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật BHXH về BHXH tự nguyện;
- Thông tư số 13/TT-NV ngày 04/9/1972 của Bộ Nội vụ hướng dẫn và quy định cụ thể về việc tính thời gian công tác của công nhân, viên chức Nhà nước;
- Thông tư liên tịch số 37/2012/TTLT-BLĐTBXH-BYT-BTC-BGDĐT ngày 28/12/2012 xác định mức độ khuyết tật do Hội đồng xác định mức độ khuyết tật thực hiện;
- Thông tư liên tịch số 18/2009/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 03/8/2009;
- Thông tư số 01/2016/TT-BLĐTBXH ngày 18/02/2016 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội;
- Thông tư số 01/2019/TT-BLĐTBXH ngày 02 tháng 01 năm 2019 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội;
- Thông tư số 181/2016/TT-BQP của Bộ Quốc phòng hướng dẫn về hồ sơ, quy trình và trách nhiệm giải quyết hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội trong Bộ Quốc phòng;
- Quyết định số 250/QĐ-TTg ngày 29/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc giải quyết chế độ, chính sách đối với chủ nhiệm hợp tác xã có quy mô toàn xã trong thời kỳ bao cấp chưa được hưởng chế độ của Nhà nước;

- Công văn số 4533/BHXH-CSXH ngày 14/11/2013 của BHXH Việt Nam về việc hướng dẫn thực hiện Quyết định số 250/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ;

- Quyết định số 595/QĐ-BHXH ngày 14/4/2017 của BHXH Việt Nam ban hành Quy trình thu BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN; quản lý sổ BHXH, thẻ BHYT.

- Quyết định số 838/QĐ-BHXH ngày 29/5/2017 của BHXH Việt Nam về việc ban hành Quy trình giao dịch điện tử trong lĩnh vực BHXH, BHYT và BHTN.

- Quyết định số 166/QĐ-BHXH ngày 31/01/2019 của BHXH Việt Nam.

..... (1)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...../QĐ-...

....., ngày ..... tháng .... năm .....

**QUYẾT ĐỊNH****Về việc nghỉ việc hưởng chế độ hưu trí**

..... (2) .....

Căn cứ Luật Bảo hiểm xã hội số.....;

Căn cứ (3) .....

Xét đề nghị của.....,

**QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1.** Ông (bà)..... Sinh ngày...../...../.....

Mã số BHXH: .....

Số điện thoại di động: .....

Chức danh nghề nghiệp, cấp bậc, chức vụ: .....

Đơn vị công tác: .....

Được nghỉ việc để hưởng chế độ hưu trí từ ngày...../...../.....

Nơi cư trú khi nghỉ hưu(4): .....

Hình thức nhận lương hưu(5): .....

Nơi khám chữa bệnh BHYT ban đầu(6): .....

**Điều 2.** Chế độ hưu trí đối với ông (bà).....do Bảo hiểm xã hội huyện (quận)/tỉnh (thành phố).....giải quyết theo quy định của pháp luật bảo hiểm xã hội.**Điều 3.** ..... (7) và ông (bà)..... chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- BHXH (8).....;
- Lưu....

.....(2)

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----  
**GIẤY ỦY QUYỀN**

**I. Người ủy quyền:**

Họ và tên: ....., sinh ngày ..... /..... /.....

Mã số BHXH:.....

Loại chế độ được hưởng: .....

Số điện thoại liên hệ:.....

Số CMND/số căn cước công dân/số hộ chiếu/: ..... do..... cấp ngày .../...../.....

Nơi cư trú (1): .....

**II. Người được ủy quyền:**

Họ và tên: ....., sinh ngày ..... /..... /.....

Số CMND/số căn cước công dân /hộ chiếu/:..... do..... cấp ngày .../...../.....

Nơi cư trú (1): .....

Số điện thoại:.....

**III. Nội dung ủy quyền(2):**

.....

.....

**IV: Thời hạn ủy quyền: (3).....**

Chúng tôi cam kết chấp hành đúng nội dung ủy quyền như đã nêu ở trên.

Trong trường hợp người ủy quyền (người hưởng chế độ) xuất cảnh trái phép hoặc bị Tòa án tuyên bố là mất tích hoặc bị chết hoặc có căn cứ xác định việc hưởng BHXH không đúng quy định của pháp luật thì Tôi là người được ủy quyền cam kết sẽ thông báo kịp thời cho đại diện chi trả hoặc BHXH cấp huyện. Tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật và hoàn trả lại tiền nếu không thực hiện đúng cam kết./.

....., ngày ... tháng ... năm ....

**Chứng thực chữ ký của người ủy quyền (4)**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

....., ngày ... tháng ... năm ....

**Người ủy quyền**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày .... tháng .... năm .....

**Người được ủy quyền**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

Kính gửi: Bảo hiểm xã hội.....

Họ và tên (1):..... sinh ngày ...../...../..... giới tính.....

Mã số BHXH:.....

Số CMND/căn cước công dân/ Số Hộ chiếu: ..... do ..... cấp ngày ..... tháng ..... năm.....;

Số điện thoại di động (2): .....

Địa chỉ liên hệ (3):..... (4)

Nội dung yêu cầu giải quyết (5):

**BHXH một lần**

**Lương hưu.** Thời điểm hưởng từ tháng ..... năm .....

- Lý do nộp chậm (6): .....

**Trợ cấp một lần để đi nước ngoài định cư**

**Chuyển nơi hưởng (hồ sơ chờ hưởng) lương hưu, trợ cấp BHXH** từ tháng ..... năm .....

**Hưởng lại lương hưu/trợ cấp BHXH** từ tháng ..... năm .....

**Nhận lương hưu/trợ cấp BHXH của những tháng chưa nhận**

**Yêu cầu khác (7)**.....

**Địa chỉ nhận lương hưu/trợ cấp BHXH/nơi cư trú mới (8)**.....

**Nơi đăng ký KCB:** .....

**Hình thức nhận tiền lương hưu/trợ cấp BHXH (9)**

Tiền mặt       Tại cơ quan BHXH       Qua tổ chức dịch vụ BHXH

ATM: Chủ tài khoản ..... Số tài khoản ..... Ngân hàng .....

Chi nhánh .....

Giải trình trong trường hợp nộp hồ sơ chậm (10):

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**Người làm đơn**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**IV. Giải quyết hưởng tiếp lương hưu, trợ cấp BHXH hàng tháng đối với người chấp hành xong hình phạt tù, người xuất cảnh trái phép trở về nước định cư hợp pháp, người được tòa án tuyên bố hủy quyết định mất tích**

**1) Trình tự thực hiện:**

**Bước 1:**

1. NLD lập hồ sơ theo quy định, nộp cho BHXH huyện hoặc BHXH tỉnh nơi chi trả lương hưu, trợ cấp BHXH hàng tháng trước khi đi tù hoặc xuất cảnh hoặc mất tích.

2. Trường hợp giao dịch điện tử: NLD đăng ký nhận mã xác thực và gửi hồ sơ điện tử đến Công thông tin điện tử BHXH Việt Nam hoặc qua Tổ chức I-VAN, trường hợp không chuyển hồ sơ giấy sang định dạng điện tử thì gửi hồ sơ giấy cho cơ quan BHXH qua dịch vụ bưu chính công ích.

**Bước 2:**

1. Cơ quan BHXH tiếp nhận đủ hồ sơ từ NLD; đối chiếu với bản chính đối với thành phần hồ sơ là bản sao không có chứng thực và trả lại bản chính cho người nộp.

2. Giải quyết và trả kết quả giải quyết cho NLD; tổ chức chi trả cho người hưởng.

**2) Cách thức thực hiện:**

2.1. NLD lựa chọn nộp hồ sơ và nhận kết quả giải quyết theo một trong các hình thức sau:

- Nộp trực tuyến qua Cổng DVC tỉnh Thừa Thiên Huế hoặc Cổng DVC quốc gia.

- Qua dịch vụ bưu chính công ích;

- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Trung tâm Hành chính công cấp huyện (Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Bảo hiểm Xã hội Thừa Thiên Huế).

2.2. NLD nhận trợ cấp bằng một trong các hình thức sau:

- Trực tiếp tại cơ quan BHXH hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích;

- Thông qua tài khoản ngân hàng của NLD.

**3) Thành phần hồ sơ:**

3.1. Bản chính Đơn đề nghị (Mẫu số 14-HSB);

3.2. Bản sao Giấy chứng nhận chấp hành xong hình phạt tù hoặc Giấy đặc xá ra tù trước thời hạn hoặc bản sao Quyết định của cấp có thẩm quyền về việc miễn hoặc tạm hoãn chấp hành hình phạt tù đối với trường hợp hưởng tiếp BHXH hàng tháng do chấp hành xong hình phạt tù giam từ ngày 01/01/1995 đến trước ngày 01/01/2016;

3.3. Bản sao văn bản của cơ quan có thẩm quyền về việc trở về nước định cư hợp pháp đối với người xuất cảnh trái phép trở về nước định cư hợp pháp;

3.4. Bản sao Quyết định có hiệu lực pháp luật của Tòa án hủy bỏ Quyết định tuyên bố mất tích đối với người được Tòa án hủy quyết định tuyên bố mất tích.

**4) Thời hạn giải quyết:** Tối đa 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**5) Số lượng hồ sơ:** 01 bộ (áp dụng cho giao dịch trực tiếp và giao dịch điện tử mà chưa chuyển đổi hồ sơ giấy sang dạng điện tử)

**6) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Đơn đề nghị (Mẫu số 14-HSB)

**7) Đối tượng thực hiện:** NLD

**8) Phí, Lệ phí:** Không

**9) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

9.1. Người đang hưởng lương hưu, trợ cấp BHXH hàng tháng mà bị phạt tù, chấp hành xong hình phạt tù giam từ ngày 01/01/1995 đến trước ngày 01/01/2016

9.2. Người đang hưởng lương hưu, trợ cấp BHXH hàng tháng xuất cảnh trái phép nay trở về nước định cư hợp pháp

9.3. Người đang hưởng lương hưu, trợ cấp BHXH bị mất tích nay về được Tòa án hủy Quyết định tuyên bố mất tích

**10) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật BHXH số 58/2014/QH13 ngày 20/11/2014;

- Luật An toàn, vệ sinh lao động số 84/2015/QH13;

- Luật BHYT số 25/2008/QH12 ngày 28/11/2008; Luật BHYT số 46/2014/QH13 ngày 13/6/2014;

- Luật Việc làm số 38/2013/QH13 ngày 16/11/2013;

- Nghị định số 33/2016/NĐ-CP;

- Nghị định số 39/2016/NĐ-CP;

- Nghị định số 166/2016/NĐ-CP;

- Nghị định số 143/2018/NĐ-CP;

- Nghị định số 115/2015/NĐ-CP ngày 11/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật BHXH về BHXH bắt buộc;

- Nghị định số 105/2014/NĐ-CP ngày 15/11/2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật BHYT;

- Nghị định số 134/2015/NĐ-CP ngày 29/12/2015 quy định chi tiết một số điều của Luật BHXH về BHXH tự nguyện;

- Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12/3/2015 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về BHTN;

- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch;
- Thông tư số 59/2015/TT-BLĐTBXH ngày 19/12/2015 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội;
- Thông tư số 26/2017/TT-BLĐTBXH ngày 20/09/2017 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội;
- Thông tư số 56/2017/BYT ngày 29/12/2017 của Bộ Y tế;
- Thông tư số 28/2015/TT-BLĐTBXH ngày 31/7/2015 hướng dẫn thực hiện Điều 52 của Luật Việc làm và một số điều của Nghị định số 28/2015/NĐ-CP;
- Thông tư số 01/2016/TT-BLĐTBXH ngày 18/2/2016 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật BHXH về BHXH tự nguyện;
- Thông tư số 13/TT-NV ngày 04/9/1972 của Bộ Nội vụ hướng dẫn và quy định cụ thể về việc tính thời gian công tác của công nhân, viên chức Nhà nước;
- Thông tư liên tịch số 37/2012/TTLT-BLĐTBXH-BYT-BTC-BGDĐT ngày 28/12/2012 xác định mức độ khuyết tật do Hội đồng xác định mức độ khuyết tật thực hiện;
- Thông tư liên tịch số 18/2009/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 03/8/2009;
- Thông tư số 01/2016/TT-BLĐTBXH ngày 18/02/2016 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội;
- Thông tư số 01/2019/TT-BLĐTBXH ngày 02 tháng 01 năm 2019 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội;
- Thông tư số 181/2016/TT-BQP của Bộ Quốc phòng hướng dẫn về hồ sơ, quy trình và trách nhiệm giải quyết hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội trong Bộ Quốc phòng;
- Quyết định số 250/QĐ-TTg ngày 29/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc giải quyết chế độ, chính sách đối với chủ nhiệm hợp tác xã có quy mô toàn xã trong thời kỳ bao cấp chưa được hưởng chế độ của Nhà nước;
- Công văn số 4533/BHXH-CSXH ngày 14/11/2013 của BHXH Việt Nam về việc hướng dẫn thực hiện Quyết định số 250/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ;
- Quyết định số 595/QĐ-BHXH ngày 14/4/2017 của BHXH Việt Nam ban hành Quy trình thu BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN; quản lý sổ BHXH, thẻ BHYT.
- Quyết định số 166/QĐ-BHXH ngày 31/01/2019 của BHXH Việt Nam.

- Quyết định số 838/QĐ-BHXH ngày 29/5/2017 của BHXH Việt Nam về việc ban hành Quy trình giao dịch điện tử trong lĩnh vực BHXH, BHYT và BHTN.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

Kính gửi: Bảo hiểm xã hội.....

Họ và tên (1):..... sinh ngày ...../...../..... giới tính.....

Mã số BHXH:.....

Số CMND/căn cước công dân/ Số Hộ chiếu: ..... do ..... cấp ngày ..... tháng ..... năm.....;

Số điện thoại di động (2): .....

Địa chỉ liên hệ (3):..... (4)

Nội dung yêu cầu giải quyết (5):

**BHXH một lần**

**Lương hưu.** Thời điểm hưởng từ tháng ..... năm .....

- Lý do nộp chậm (6): .....

**Trợ cấp một lần để đi nước ngoài định cư**

**Chuyển nơi hưởng (hồ sơ chờ hưởng) lương hưu, trợ cấp BHXH từ tháng ..... năm .....**

**Hưởng lại lương hưu/trợ cấp BHXH từ tháng ..... năm .....**

**Nhận lương hưu/trợ cấp BHXH của những tháng chưa nhận**

**Yêu cầu khác (7):.....**

**Địa chỉ nhận lương hưu/trợ cấp BHXH/nơi cư trú mới (8):.....**

**Nơi đăng ký KCB: .....**

**Hình thức nhận tiền lương hưu/trợ cấp BHXH (9)**

Tiền mặt       Tại cơ quan BHXH       Qua tổ chức dịch vụ BHXH

ATM: Chủ tài khoản ..... Số tài khoản ..... Ngân hàng .....

Chi nhánh .....

Giải trình trong trường hợp nộp hồ sơ chậm (10):

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**Người làm đơn**

(Ký, ghi rõ họ tên)

## V. Giải quyết hưởng trợ cấp hàng tháng (theo Quyết định số 91/2000/QĐ-TTg, Quyết định số 613/QĐ-TTg)

### 1. Trình tự thực hiện:

**Bước 1:** Người đề nghị nộp hồ sơ trực tiếp tại BHXH tỉnh hoặc BHXH huyện hoặc gửi qua đường bưu điện đến BHXH tỉnh

**Bước 2:** BHXH huyện tiếp nhận hồ sơ từ người đề nghị, chuyển BHXH tỉnh

### Bước 3:

+ BHXH tỉnh tiếp nhận hồ sơ từ người đề nghị hoặc từ BHXH huyện; giải quyết và trả hồ sơ đã giải quyết cho BHXH huyện

+ BHXH huyện tiếp nhận hồ sơ đã giải quyết từ BHXH tỉnh để trả cho người đề nghị

### 2) Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tuyến qua Cổng DVC tỉnh Thừa Thiên Huế hoặc Cổng DVC quốc gia.

- Qua dịch vụ bưu chính công ích;

- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Trung tâm Hành chính công cấp huyện (Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Bảo hiểm Xã hội Thừa Thiên Huế).

### 3) Thành phần hồ sơ:

3.1. Đối với trường hợp hưởng trợ cấp hàng tháng theo Quyết định số 613/QĐ-TTg:

3.1.1. Bản chính Đơn đề nghị giải quyết trợ cấp hàng tháng (Mẫu số 01-QĐ613)

3.1.2. Trường hợp hồ sơ hưởng trợ cấp mất sức lao động do cơ quan BHXH quản lý không có hoặc bị thiếu, tùy theo từng trường hợp cụ thể NLD nộp bổ sung:

- Bản chính Quyết định của cơ quan, đơn vị cho nghỉ việc vì mất sức lao động.

- Bản chính Phiếu cá nhân (đối với trường hợp tại mặt sau của Quyết định nghỉ việc không ghi quá trình công tác;

- Bản chính Biên bản giám định y khoa (trừ trường hợp nghỉ việc vì mất sức lao động theo Nghị quyết 16- HĐBT ngày 8/2/1982)

- Bản chính Quyết định hoặc Thông báo thôi hưởng trợ cấp mất sức lao động hàng tháng.

Đối với trường hợp có bản chính Bản trích lục hồ sơ mất sức lao động của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội thì được sử dụng thay cho hồ sơ mất sức lao động nêu trên.



3.1.3. Giấy chứng nhận chấp hành xong hình phạt tù (bản sao) đối với trường hợp đối tượng bị phạt tù nhưng không được hưởng án treo hoặc Quyết định của Tòa án tuyên bố mất tích trở về (bản sao) đối với trường hợp đối tượng bị Tòa án tuyên bố là mất tích trở về hoặc Quyết định trở về nước định cư hợp pháp (bản sao) đối với trường hợp đối tượng xuất cảnh trở về định cư hợp pháp;

3.2. Đối với trường hợp hưởng trợ cấp hàng tháng theo Quyết định số 91/2000/QĐ-TTg:

3.2.1. Đơn đề nghị giải quyết trợ cấp hàng tháng (bản chính) do người đề nghị lập có xác nhận của chính quyền nơi cư trú (đối với người đã ngừng hưởng trợ cấp MSLĐ trước ngày 1/7/2000) hoặc Đơn đề nghị hưởng trợ cấp mai táng phí (bản chính) do thân nhân người đề nghị lập có xác nhận của chính quyền nơi cư trú;

3.2.2. Hồ sơ hưởng trợ cấp mất sức lao động gồm có:

- Quyết định của cơ quan, đơn vị cho nghỉ việc vì mất sức lao động (bản chính);

- Phiếu cá nhân đối với trường hợp tại mặt sau của Quyết định nghỉ việc không ghi quá trình công tác (bản chính);

- Biên bản giám định y khoa (trừ trường hợp nghỉ việc vì mất sức lao động theo Nghị quyết 16-HĐBT ngày 8/2/1982) (bản chính);

Đối với trường hợp có bản chính Bản trích lục hồ sơ mất sức lao động của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội thì được sử dụng thay cho hồ sơ mất sức lao động nêu trên.

3.2.3. Quyết định thôi hưởng trợ cấp mất sức lao động, trường hợp không có quyết định này thì trong đơn đề nghị của đối tượng có cam kết sau khi thôi hưởng trợ cấp mất sức lao động hàng tháng không hưởng lại chế độ trợ cấp bảo hiểm xã hội nào;

3.2.4. Giấy chứng tử hoặc Giấy báo tử đối với trường hợp đề nghị hưởng trợ cấp mai táng

3.3. Đối với người đủ điều kiện hưởng trợ cấp hàng tháng nhưng chưa được giải quyết mà bị chết từ ngày 01/7/2010 trở đi

3.3.1. Bản chính Đơn đề nghị giải quyết trợ cấp mai táng của thân nhân đối tượng theo Mẫu số 03-QĐ613;

3.3.2. Bản sao giấy chứng tử của đối tượng hoặc bản sao giấy khai tử hoặc bản sao Quyết định của Tòa án tuyên bố đã chết hoặc giấy xác nhận của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi chôn cất (bản chính);

3.3.3. Bản sao Giấy chứng nhận chấp hành xong hình phạt tù đối với trường hợp đối tượng bị phạt tù nhưng không được hưởng án treo hoặc bản sao Quyết định của Tòa án tuyên bố mất tích trở về đối với trường hợp đối tượng bị Tòa án tuyên bố là mất tích trở về hoặc bản sao Quyết định trở về nước định cư hợp pháp đối với trường hợp đối tượng xuất cảnh trở về định cư hợp pháp;

**4) Thời hạn giải quyết:** Tối đa 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**5) Số lượng hồ sơ:** 01 bộ

**6) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Bản chính Đơn đề nghị giải quyết trợ cấp hàng tháng (Mẫu số 01-QĐ613).

- Bản chính Đơn đề nghị giải quyết trợ cấp mai táng (Mẫu số 03-QĐ613).

**7) Đối tượng thực hiện:** Cá nhân

**8) Phí, Lệ phí:** Không

**9) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

Người hết thời hạn hưởng trợ cấp mất sức lao động, không thuộc diện được tiếp tục hưởng trợ cấp mất sức lao động hàng tháng theo quy định tại Quyết định số 60/HĐBT ngày 01 tháng 3 năm 1990 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ), Quyết định số 812/TTg ngày 12 tháng 12 năm 1995 của Thủ tướng Chính phủ mà có thời gian công tác thực tế từ đủ 15 năm đến dưới 20 năm (kể cả trường hợp đã hết thời hạn hưởng trợ cấp mất sức lao động theo quy định tại Nghị định số 163/CP ngày 04 tháng 7 năm 1974 của Hội đồng Chính phủ), bao gồm: Người đã hết thời hạn hưởng trợ cấp mất sức lao động hàng tháng và hết tuổi lao động (nam đủ 60 tuổi, nữ đủ 55 tuổi) trước ngày 01 tháng 7 năm 2010; người đã hết thời hạn hưởng trợ cấp mất sức lao động hàng tháng nhưng đến ngày 01 tháng 7 năm 2010 chưa hết tuổi lao động được hưởng trợ cấp hàng tháng khi có đủ điều kiện:

- Đã hết thời hạn hưởng trợ cấp mất sức lao động mà không thuộc diện được tiếp tục hưởng trợ cấp mất sức lao động hàng tháng.

- Đã hết tuổi lao động (nam đủ 60 tuổi trở lên, nữ đủ 55 tuổi trở lên)

**10. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật BHXH số 58/2014/QH13 ngày 20/11/2014;

- Luật An toàn, vệ sinh lao động số 84/2015/QH13;

- Luật BHYT số 25/2008/QH12 ngày 28/11/2008; Luật BHYT số 46/2014/QH13 ngày 13/6/2014;

- Luật Việc làm số 38/2013/QH13 ngày 16/11/2013;

- Nghị định số 33/2016/NĐ-CP;

- Nghị định số 39/2016/NĐ-CP;

- Nghị định số 166/2016/NĐ-CP;

- Nghị định số 143/2018/NĐ-CP;

- Nghị định số 14/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ quy định chế độ trợ cấp đối với nhà giáo đã nghỉ hưu chưa được hưởng chế độ phụ cấp thâm niên trong lương hưu.

- Nghị định số 115/2015/NĐ-CP ngày 11/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật BHXH về BHXH bắt buộc;
- Nghị định số 105/2014/NĐ-CP ngày 15/11/2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật BHYT;
- Nghị định số 134/2015/NĐ-CP ngày 29/12/2015 quy định chi tiết một số điều của Luật BHXH về BHXH tự nguyện;
- Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12/3/2015 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về BHTN;
- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch;
- Thông tư số 59/2015/TT-BLĐTBXH ngày 19/12/2015 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội;
- Thông tư số 26/2017/TT-BLĐTBXH ngày 20/09/2017 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội;
- Thông tư số 56/2017/BYT ngày 29/12/2017 của Bộ Y tế;
- Thông tư số 28/2015/TT-BLĐTBXH ngày 31/7/2015 hướng dẫn thực hiện Điều 52 của Luật Việc làm và một số điều của Nghị định số 28/2015/NĐ-CP;
- Thông tư số 01/2016/TT-BLĐTBXH ngày 18/2/2016 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật BHXH về BHXH tự nguyện;
- Thông tư số 13/TT-NV ngày 04/9/1972 của Bộ Nội vụ hướng dẫn và quy định cụ thể về việc tính thời gian công tác của công nhân, viên chức Nhà nước;
- Thông tư liên tịch số 37/2012/TTLT-BLĐTBXH-BYT-BTC-BGDĐT ngày 28/12/2012 xác định mức độ khuyết tật do Hội đồng xác định mức độ khuyết tật thực hiện;
- Thông tư liên tịch số 18/2009/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 03/8/2009;
- Thông tư số 01/2016/TT-BLĐTBXH ngày 18/02/2016 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội;
- Thông tư số 01/2019/TT-BLĐTBXH ngày 02 tháng 01 năm 2019 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội;
- Thông tư số 181/2016/TT-BQP của Bộ Quốc phòng hướng dẫn về hồ sơ, quy trình và trách nhiệm giải quyết hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội trong Bộ Quốc phòng;
- Thông tư liên tịch số 21/2000/TTLT-BLĐTBXH-BTC ngày 25/09/2020 thi hành Quyết định số 91/2000/QĐ-TTg ngày 4 tháng 8 năm 2000 của Thủ tướng Chính phủ về việc trợ cấp đối với những người hết tuổi lao động tại thời điểm ngừng hưởng trợ cấp mất sức lao động hàng tháng;

- Thông tư số 16/2010/TT-BLĐTBXH hướng dẫn quyết định số 613/QĐ-BHXH ngày 06/5/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc trợ cấp hàng tháng cho người có từ đủ 15 năm đến dưới 20 năm công tác thực tế đã hết thời hạn hưởng trợ cấp mất sức lao động;

- Quyết định số 250/QĐ-TTg ngày 29/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc giải quyết chế độ, chính sách đối với chủ nhiệm hợp tác xã có quy mô toàn xã trong thời kỳ bao cấp chưa được hưởng chế độ của Nhà nước;

- Công văn số 4533/BHXH-CSXH ngày 14/11/2013 của BHXH Việt Nam về việc hướng dẫn thực hiện Quyết định số 250/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ;

- Quyết định số 595/QĐ-BHXH ngày 14/4/2017 của BHXH Việt Nam ban hành Quy trình thu BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN; quản lý sổ BHXH, thẻ BHYT.

- Quyết định số 838/QĐ-BHXH ngày 29/5/2017 của BHXH Việt Nam về việc ban hành Quy trình giao dịch điện tử trong lĩnh vực BHXH, BHYT và BHTN.

- Quyết định số 166/QĐ-BHXH ngày 31/01/2019 của BHXH Việt Nam.

- Công văn 1969 BHXH/CĐCS ngày 26/9/2000 của BHXH Việt Nam hướng dẫn thực hiện về trợ cấp cho người hết tuổi lao động khi ngừng hưởng trợ cấp mất sức lao động hàng tháng;

- Công văn 1614 BHXH/CĐCS ngày 14/9/2001 của BHXH Việt Nam hướng dẫn thủ tục hồ sơ hưởng trợ cấp theo quyết định số 91/2000/QĐ-TTg;

- Quyết định số 613/QĐ-TTg ngày 06/5/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc trợ cấp hàng tháng cho những người có từ đủ 15 năm đến dưới 20 năm công tác thực tế đã hết thời hạn hưởng trợ cấp MSLĐ;

- Thông tư số 16/2010/TT-BLĐTBXH ngày 01/6/2010 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn Quyết định 613/QĐ-TTg ngày 6/5/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc trợ cấp hàng tháng cho những người có từ đủ 15 năm đến dưới 20 năm công tác thực tế.

- Công văn 2834/BHXH-CSXH ngày 09/7/2010 của BHXH Việt Nam hướng dẫn thực hiện trợ cấp hàng tháng theo Quyết định số 613/QĐ-TTg đối với người đã hết thời hạn hưởng trợ cấp MSLĐ.

- Công văn 1594/BHXH-CSXH ngày 22/4/2011 của BHXH Việt Nam hướng dẫn bổ sung thực hiện trợ cấp hàng tháng theo QĐ613/QĐ-TTg.

- Công văn 3984/BHXH-CSXH ngày 28/9/2011 của BHXH Việt Nam hướng dẫn bổ sung về đối tượng hưởng trợ cấp hàng tháng theo QĐ số 613/QĐ-TTg.

- Công văn 5371/BHXH-CSXH ngày 16/12/2011 của BHXH Việt Nam hướng dẫn bổ sung về thực hiện trợ cấp hàng tháng theo QĐ số 613/QĐ-TTg.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIẢI QUYẾT TRỢ CẤP HÀNG THÁNG**

Kính gửi: Bảo hiểm xã hội tỉnh/thành phố .....

Tên tôi là: ..... sinh ngày ..... tháng ..... năm .....  
Số CMND .....do ..... cấp ngày ..... tháng ..... năm .....;  
Hiện cư trú tại (ghi rõ số nhà, xóm, xã, huyện, tỉnh): .....  
.....  
Số điện thoại (nếu có): .....  
Tên cơ quan, đơn vị công tác trước khi nghỉ việc: .....  
.....  
Được nghỉ việc hưởng trợ cấp MSLĐ từ ngày ..... tháng ..... năm .....  
Số hồ sơ MSLĐ (nếu có):.....  
Thời gian công tác thực tế là:..... năm..... tháng  
Đã hết thời hạn hưởng trợ cấp MSLĐ hàng tháng từ ngày .... tháng .... năm .....  
Địa chỉ nơi hưởng trợ cấp MSLĐ hàng tháng trước khi thôi hưởng trợ cấp (xã, huyện, tỉnh): .....  
Căn cứ quy định tại Quyết định số 613/QĐ-TTg ngày 06/5/2010 của Thủ tướng Chính phủ, tôi làm đơn này đề nghị được giải quyết hưởng trợ cấp hàng tháng và được nhận trợ cấp hàng tháng tại địa chỉ (ghi rõ xóm, xã, huyện, tỉnh):.....  
.....;      đăng      ký      khám      chữa      bệnh      BHYT  
tại:.....  
Tôi xin đảm bảo và chịu trách nhiệm trước pháp luật về lời khai trên./.

....., ngày ..... tháng ..... năm .....  
**Xác nhận của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi cư trú**  
(Ký, đóng dấu)

....., ngày ..... tháng ..... năm .....  
**Người viết đơn**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Ghi chú:** Ủy ban nhân dân xã, phường xác nhận hiện trạng cư trú của người viết đơn

**VI. Giải quyết hưởng trợ cấp đối với nhà giáo đã nghỉ hưu chưa được hưởng chế độ phụ cấp thâm niên trong lương hưu theo Nghị định số 14/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ (Quyết định số 52/2013/QĐ-TTg ngày 30 tháng 8 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về quy định chế độ trợ cấp đối với nhà giáo đã nghỉ hưu chưa được hưởng chế độ phụ cấp thâm niên trong lương hưu hết hiệu lực kể từ ngày Nghị định Nghị định số 14/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ có hiệu lực thi hành).**

**1) Trình tự thực hiện:**

**Bước 1:** NLD, thân nhân NLD nộp hồ sơ cho cơ quan BHXH

**Bước 2:** Cơ quan BHXH tiếp nhận hồ sơ từ người đề nghị, xử lý theo phân cấp.

**Bước 3:**

1. BHXH tỉnh giải quyết và trả hồ sơ đã giải quyết cho BHXH huyện.
2. BHXH huyện tiếp nhận hồ sơ đã giải quyết từ BHXH tỉnh để trả cho NLD, thân nhân NLD.

**2) Cách thức thực hiện:**

- Nộp trực tuyến qua Cổng DVC tỉnh Thừa Thiên Huế hoặc Cổng DVC quốc gia.

- Qua dịch vụ bưu chính công ích;

- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Trung tâm Hành chính công cấp huyện (Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Bảo hiểm Xã hội Thừa Thiên Huế).

**3) Thành phần hồ sơ:**

3.1. Đối với nhà giáo đang hưởng lương hưu: Tờ khai đề nghị hưởng trợ cấp ban hành kèm theo Nghị định số 14/2020/NĐ-CP (Mẫu số 01).

3.2. Đối với nhà giáo đủ điều kiện hưởng trợ cấp, chưa được giải quyết chế độ mà từ trần từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 trở về sau, hồ sơ bao gồm:

3.2.1. Tờ khai đề nghị hưởng trợ cấp của thân nhân, ban hành kèm theo Nghị định số 14/2020/NĐ-CP (Mẫu số 02).

3.2.2. Bản chụp Giấy chứng tử hoặc Giấy báo tử hoặc Quyết định của tòa án tuyên bố là đã chết (mang theo bản chính để đối chiếu).

3.2.3. Văn bản ủy quyền theo quy định tại Khoản 2 Điều 4 Nghị định số 14/2020/NĐ-CP (Mẫu số 03); trường hợp chỉ có một thân nhân thì không cần văn bản ủy quyền này.

**4) Thời hạn giải quyết:** Tối đa 12 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**5) Số lượng hồ sơ:** 01 bộ

**6) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Tờ khai đề nghị hưởng trợ cấp theo Nghị định số 14/2020/NĐ-CP
- Tờ khai đề nghị giải quyết trợ cấp theo Nghị định số 14/2020/NĐ-CP
- Giấy ủy quyền

**7) Đối tượng thực hiện:** NLD, thân nhân NLD

**8) Phí, Lệ phí:** Không

**9) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

9.1. Nhà giáo là giáo viên, giảng viên, cô nuôi dạy trẻ, hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, chủ nhiệm nhà trẻ, phó chủ nhiệm nhà trẻ, giám đốc, phó giám đốc, trưởng khoa, phó trưởng khoa, chủ nhiệm khoa, phó chủ nhiệm khoa, trưởng ban, phó trưởng ban, trưởng phòng, phó trưởng phòng, nghỉ hưu khi đang trực tiếp giảng dạy, giáo dục, hướng dẫn thực hành hoặc nghỉ chờ đủ tuổi để hưởng lương hưu và bảo lưu thời gian đóng bảo hiểm xã hội để hưởng lương hưu trong khoảng thời gian từ ngày 01 tháng 01 năm 1994 đến ngày 31 tháng 5 năm 2011 tại các cơ sở giáo dục công lập sau:

9.1.1. Cơ sở giáo dục mầm non;

9.1.2. Cơ sở giáo dục phổ thông;

9.1.3. Cơ sở giáo dục nghề nghiệp;

9.1.4. Cơ sở giáo dục đại học;

9.1.5. Cơ sở giáo dục thường xuyên;

9.1.6. Các học viện, trường, trung tâm làm nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng thuộc cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội.

9.2. Nhà giáo nghỉ hưu khi đang trực tiếp giảng dạy, giáo dục hoặc nghỉ chờ đủ tuổi để hưởng lương hưu và được bảo lưu thời gian đóng bảo hiểm xã hội để hưởng lương hưu trong khoảng thời gian từ ngày 01 tháng 01 năm 1994 đến ngày 31 tháng 5 năm 2011 tại cơ sở giáo dục bán công nhưng trước đó được điều động từ các cơ sở giáo dục công lập hoặc tại cơ sở giáo dục bán công do cấp có thẩm quyền chuyển đổi từ cơ sở giáo dục công lập và được xếp lương theo bảng lương của ngạch viên chức ngành giáo dục.

9.3. Nhà giáo làm công tác giảng dạy, giáo dục tại các cơ sở giáo dục công lập được cấp có thẩm quyền cử làm chuyên gia giáo dục ở ngoài nước, khi hết thời gian làm chuyên gia về nước thì nghỉ hưu ngay.

9.4. Nhà giáo nghỉ hưu có thời gian tham gia giảng dạy ở các lớp học được tổ chức tại các đơn vị thanh niên xung phong mà chưa hưởng các chế độ, chính sách của Nhà nước dành cho thanh niên xung phong; nhà giáo là quân nhân, công an nhân dân, người làm công tác cơ yếu sau đó chuyển ngành về công tác giảng dạy, giáo dục tại các cơ sở giáo dục công lập khi nghỉ hưu là giáo viên, giảng viên trong lương hưu có phụ cấp thâm niên lực lượng vũ trang nhưng không có phụ cấp thâm niên nhà giáo.

**10. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật BHXH số 58/2014/QH13 ngày 20/11/2014;
- Luật An toàn, vệ sinh lao động số 84/2015/QH13;
- Luật BHYT số 25/2008/QH12 ngày 28/11/2008; Luật BHYT số 46/2014/QH13 ngày 13/6/2014;
- Luật Việc làm số 38/2013/QH13 ngày 16/11/2013;
- Nghị định số 33/2016/NĐ-CP;
- Nghị định số 39/2016/NĐ-CP;
- Nghị định số 166/2016/NĐ-CP;
- Nghị định số 143/2018/NĐ-CP;
- Nghị định số 14/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ quy định chế độ trợ cấp đối với nhà giáo đã nghỉ hưu chưa được hưởng chế độ phụ cấp thâm niên trong lương hưu.
- Nghị định số 115/2015/NĐ-CP ngày 11/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật BHXH về BHXH bắt buộc;
- Nghị định số 105/2014/NĐ-CP ngày 15/11/2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật BHYT;
- Nghị định số 134/2015/NĐ-CP ngày 29/12/2015 quy định chi tiết một số điều của Luật BHXH về BHXH tự nguyện;
- Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12/3/2015 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về BHTN;
- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch;
- Thông tư số 59/2015/TT-BLĐTBXH ngày 19/12/2015 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội;
- Thông tư số 26/2017/TT-BLĐTBXH ngày 20/09/2017 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội;
- Thông tư số 56/2017/BYT ngày 29/12/2017 của Bộ Y tế;
- Thông tư số 28/2015/TT-BLĐTBXH ngày 31/7/2015 hướng dẫn thực hiện Điều 52 của Luật Việc làm và một số điều của Nghị định số 28/2015/NĐ-CP;
- Thông tư số 01/2016/TT-BLĐTBXH ngày 18/2/2016 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật BHXH về BHXH tự nguyện;
- Thông tư số 13/TT-NV ngày 04/9/1972 của Bộ Nội vụ hướng dẫn và quy định cụ thể về việc tính thời gian công tác của công nhân, viên chức Nhà nước;
- Thông tư liên tịch số 37/2012/TTLT-BLĐTBXH-BYT-BTC-BGDĐT ngày 28/12/2012 xác định mức độ khuyết tật do Hội đồng xác định mức độ khuyết tật thực hiện;



- Thông tư liên tịch số 18/2009/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 03/8/2009;
- Thông tư số 01/2016/TT-BLĐTBXH ngày 18/02/2016 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội;
- Thông tư số 01/2019/TT-BLĐTBXH ngày 02 tháng 01 năm 2019 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội;
- Thông tư số 181/2016/TT-BQP của Bộ Quốc phòng hướng dẫn về hồ sơ, quy trình và trách nhiệm giải quyết hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội trong Bộ Quốc phòng;
- Quyết định số 250/QĐ-TTg ngày 29/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc giải quyết chế độ, chính sách đối với chủ nhiệm hợp tác xã có quy mô toàn xã trong thời kỳ bao cấp chưa được hưởng chế độ của Nhà nước;
- Công văn số 4533/BHXH-CSXH ngày 14/11/2013 của BHXH Việt Nam về việc hướng dẫn thực hiện Quyết định số 250/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ;
- Quyết định số 595/QĐ-BHXH ngày 14/4/2017 của BHXH Việt Nam ban hành Quy trình thu BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN; quản lý sổ BHXH, thẻ BHYT.
- Quyết định số 838/QĐ-BHXH ngày 29/5/2017 của BHXH Việt Nam về việc ban hành Quy trình giao dịch điện tử trong lĩnh vực BHXH, BHYT và BHTN.
- Quyết định số 166/QĐ-BHXH ngày 31/01/2019 của BHXH Việt Nam.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

**TỜ KHAI**  
**ĐỀ NGHỊ HƯỞNG TRỢ CẤP THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ /2020/NĐ-CP**  
**(Đối với nhà giáo đề nghị hưởng trợ cấp theo Nghị định số /2020/NĐ-CP)**

Kính gửi: Bảo hiểm xã hội tỉnh/thành phố.....

Tên tôi là: .....

Số CMND (hoặc Số thẻ căn cước công dân): .....

Hiện cư trú tại (ghi rõ số nhà, xóm, xã, huyện, tỉnh): .....

.....

Tên cơ quan, đơn vị công tác trước khi nghỉ hưu:

.....

.....

Hưởng chế độ hưu trí từ ngày ... tháng .... năm .....

Nơi đang nhận lương hưu hàng tháng (ghi rõ số nhà, xóm, xã, huyện, tỉnh): .....

.....

Có thời gian trực tiếp giảng dạy, giáo dục tại các cơ sở giáo dục như sau:

Thời gian công tác		Thời gian đề nghị tính trợ cấp		Chức vụ, Đơn vị công tác	Ghi chú
Từ tháng/năm	Đến tháng/năm	Năm	Tháng		
<b>Cộng:</b>		...	...		

ừ quy định tại Nghị định số /2020/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2020 của Chính phủ quy định chế độ trợ cấp đối với nhà giáo đã nghỉ hưu chưa được hưởng chế độ phụ cấp thâm niên trong lương hưu, tôi đề nghị được giải quyết hưởng trợ cấp theo quy định.

..., ngày ... tháng ... năm ...

**Người khai**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TỜ KHAI**  
**ĐỀ NGHỊ GIẢI QUYẾT TRỢ CẤP THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ /2020/NĐ-CP**  
**(Đối với nhà giáo đề nghị hưởng trợ cấp theo Nghị định số /2020/NĐ-CP)**

Tên tôi là: .....

Số CMND (hoặc Số thẻ căn cước công dân): .....

Hiện cư trú tại (ghi rõ số nhà, xóm, xã, huyện, tỉnh): .....

Là (1)..... của ông/bà ..... đã được hưởng chế độ hưu trí từ ngày ... tháng ... năm ..... và từ trần ngày ... tháng ... năm .....

Ông/Bà ..... trước khi nghỉ hưu làm việc tại: ..... và trước khi từ trần nhận lương hưu tại: ..... và có thời gian trực tiếp giảng dạy, giáo dục tại các cơ sở giáo dục như sau:

Thời gian công tác		Thời gian đề nghị tính trợ cấp		Chức vụ, Đơn vị công tác	Ghi chú
Từ tháng/năm	Đến tháng/năm	Năm	Tháng		
<b>Cộng:</b>		...	...		

ừ quy định tại Nghị định số /2020/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2020 của Chính phủ quy định chế độ trợ cấp đối với nhà giáo đã nghỉ hưu chưa được hưởng chế độ phụ cấp thâm niên trong lương hưu; đại diện cho gia đình, tôi đề nghị được giải quyết hưởng trợ cấp theo quy định đối với ông/bà .....

Tôi xin thay mặt các thân nhân cam kết về nội dung kê khai và không để xảy ra tranh chấp về khoản tiền trợ cấp này, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

..., ngày ... tháng ... năm ...

**Người khai**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Ghi chú:** (1) Quan hệ với nhà giáo đã từ trần (vợ, chồng, con...).



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**GIẤY ỦY QUYỀN**

**I. NGƯỜI ỦY QUYỀN**

Thân nhân đủ điều kiện hưởng trợ cấp một lần của ông (bà) ..... đã từ trần ngày .../.../....., có tên sau đây:

1. Ông (Bà) ..... Nam/Nữ, sinh ngày ...../...../.....; là (2) .....
2. Ông (Bà) ..... Nam/Nữ, sinh ngày ...../...../.....; là (2) .....
3. Ông (Bà) ..... Nam/Nữ, sinh ngày ...../...../.....; là (2) .....
4. Ông (Bà) ..... Nam/Nữ, sinh ngày ...../...../.....; là (2) .....

**II. NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN**

Họ và tên: ..... sinh ngày ...../...../.....

Số CMND/số căn cước công dân/hộ chiếu: ..... cấp tại .....

cấp ngày .../.../..... Nơi cư trú (ghi rõ số nhà, xóm, xã, huyện, tỉnh):

.....

Số điện thoại liên hệ: .....

**III. NỘI DUNG ỦY QUYỀN**

Lập tờ khai của thân nhân theo Mẫu số 02 và nhận tiền trợ cấp một lần theo Nghị định số /2020/NĐ-CP ngày... tháng... năm 2020 của Chính phủ quy định chế độ trợ cấp đối với nhà giáo đã nghỉ hưu chưa được hưởng chế độ phụ cấp thâm niên trong lương hưu.

Chúng tôi cam đoan chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc ủy quyền của mình và cam kết không khiếu nại về sau./.

....., ngày ... tháng ... năm ...

....., ngày ... tháng ... năm ...

**Xác nhận của chính quyền xã/thị trấn**  
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

**Người ủy quyền**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Người được ủy quyền**  
(Ký, ghi rõ họ tên)